



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

SĐT: (08) 3940 4271

Fax: (08) 3940 4711

Email: vtc-hcm@vitranschart.com.vn

Website: www.vitranschart.com.vn

Vận tải biển toàn cầu, thách thức thành công không giới hạn

35

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động SXKD
Tình hình tài chính
Kế hoạch phát triển trong tương lai

70

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

19

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động SXKD
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông
Báo cáo tác động liên quan môi trường và xã hội

51

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BTGD

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin mô hình quản trị
Định hướng phát triển
Các rủi ro

43

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động
Đánh giá về Ban Tổng Giám đốc
Các kế hoạch, định hướng

Kính thưa Quý vị!

2015 là năm thứ 7 suy giảm liên tiếp của thị trường vận tải biển khi phải chịu ảnh hưởng nặng nề khủng hoảng kinh tế và đang trong tình trạng phục hồi chậm chạp. Năm 2015, tiếp tục là một năm khó khăn và đầy bất ổn cho ngành vận tải biển nói chung và cho công ty nói riêng khi tình trạng cung vượt cầu vẫn chưa kết thúc, giá cước vận tải biển bình quân tiếp tục suy giảm xuống các mức thấp hơn so với năm 2014.

Trước diễn biến xấu của thị trường, kinh doanh vận tải của đội tàu công ty chắc chắn không tránh khỏi bị ảnh hưởng. Cước giảm sâu trên các tuyến nhất là Nam Mỹ - Tây Phi; hàng hóa khan hiếm, một số tàu bị ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết, yếu tố kinh doanh của người thuê, hư hỏng hàng hóa, v.v... làm kéo dài thời gian chờ đợi.

Các doanh nghiệp trong ngành đều phải đối mặt tình trạng thời gian phi sản xuất tăng, thu không đủ bù chi, thua lỗ tiếp diễn. Nhiều doanh nghiệp vận tải biển tiếp tục phá sản hoặc phải bán tháo tài sản để tồn tại do phải gánh nhiều khoản nợ lớn.

Với bề dày kinh nghiệm của mình, quyết tâm cao cùng sự chung sức, đồng lòng, lãnh đạo Công ty và toàn thể cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty vẫn nỗ lực, đưa ra nhiều nhóm giải pháp hạn chế đến thấp nhất tác động xấu đến công ty trong bối cảnh vô cùng khó khăn, phấn đấu đạt kết quả cao nhất theo kế hoạch đã đề ra. Dù vậy, do chịu ảnh hưởng nặng nề từ thị trường vận tải biển thế giới, nên kết quả kinh doanh của Công ty năm 2015 vẫn lỗ. Tổng quan về kết quả kinh doanh như sau:

- o **Số lượng vận chuyển:** 1.740.638 tấn;
- o **Số lượng luân chuyển:** 9,61 tỷ TKm;
- o **Doanh thu:** 887,96 tỷ đồng.

Năm 2016, dự báo các khó khăn vẫn chưa dứt khi tình trạng mất cân bằng cung cầu vẫn còn từ việc đầu tư ở ạt những năm qua. Ngoài ra, IMF đã cắt giảm mức dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới từ 3,8% xuống còn 3,6%, không chỉ do sự bi quan về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc mà còn do việc tăng trưởng kinh tế chậm lại ở hầu hết các nước thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) cùng với tình hình thị trường hàng hóa lại khan hiếm trong khi số lượng tàu được dự báo sẽ cao hơn so với năm 2015. Do đó, nhiều báo cáo nhận định thị trường năm 2016 có thể còn tồi tệ hơn năm 2015 và thị trường chỉ có thể hồi phục vào năm 2017 hoặc đến năm 2020.

Về phía Công ty, với sự hỗ trợ của Chính phủ, Bộ giao thông vận tải, Vinalines, Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại, Công ty đã cơ cấu được nợ, giảm bớt áp lực về tài chính. Chính những nhân tố này đã giúp Công ty vượt qua những khó khăn trước mắt, và có những nền tảng để tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Công ty sẽ luôn không ngừng nỗ lực để mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng, đối tác và cổ đông của Công ty. Với những kinh nghiệm vượt khó của những năm qua, năm 2016 được kỳ vọng sẽ bớt khó khăn hơn và kết quả kinh doanh sẽ khả quan hơn so với năm 2015.

Xin thay mặt Hội đồng Quản trị và toàn thể cán bộ, nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng của Quý cổ đông và khách hàng đối với Ban Lãnh đạo Công ty. Xin gửi đến Quý vị và gia đình lời chúc sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

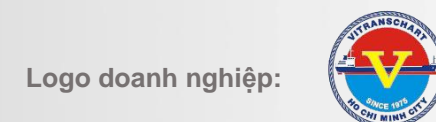
Trân trọng kính chào!

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Huỳnh Hồng Vũ**



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
Tên GD quốc tế: Viet Nam Sea Transport and Chartering Joint Stock Company



Giấy CNĐKKD: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, cấp lại lần thứ 9 ngày 18 tháng 09 năm 2015 với mã doanh nghiệp là 0300447809

Vốn điều lệ: 589.993.370.000 VNĐ
Vốn chủ sở hữu: (204.562.050.601) VNĐ
Địa chỉ: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM
Số điện thoại: (08) 3940 4271
Số fax: (08) 3940 4711
Website: www.vitranschart.com.vn
Email: vtc-hcm@vitranschart.com.vn
Mã cổ phiếu: VST



NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC



Quyết định số 822/QĐ-CTN ngày 30/05/2011, Chủ tịch Nước CHXHCN VN đã “Tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì” cho Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam, đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2006 đến năm 2010, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng ba, Quyết định số 97/QĐ-CTN ngày 22/01/2008 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, củng cố quốc phòng từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



Quyết định số 3062/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2011, Bộ trưởng Bộ GTVT đã “Tặng Cờ Thi đua xuất sắc năm 2011” của Bộ Giao thông Vận tải cho Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam, đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Ngành Giao thông vận tải năm 2011.



Huân chương Lao động Hạng ba, Quyết định số 1423/2007/QĐ-CTN ngày 21/11/2007 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

THONG TIN CHUNG

HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT TRONG NĂM 2015

KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP CÔNG TY



ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ XII



HỘI NGHỊ NGƯỜI LAO ĐỘNG 2015



NGÀY HỘI QUỐC TẾ THIẾU NHI



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1975

Theo quyết định số 16 VP/QĐ/TC, Tổng cục Giao thông vận tải quyết định thành lập Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam.

1976

Theo quyết định số 4683/QĐ-TC của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xác định Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam (SOVOSCO) là Xi nghiệp vận tải thuộc Cục đường biển Việt Nam.

1984

Công ty Vận tải và thuê tàu biển "Transchart" và "Công ty Vận tải biển Sovosco" được hợp nhất thành Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitarschart) trực thuộc Tổng cục Đường biển Việt Nam theo Quyết định số 706/TCCB của Bộ trưởng Giao thông vận tải



2009

Ngày 20/02/2009, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận niêm yết số 14/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty được niêm yết 40 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và mã cổ phiếu VST chính thức được giao dịch vào ngày 26/02/2009.

2007

Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập và tên chính thức là Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam - Tên viết tắt là Vitarschart JSC.

1993

Bộ Giao thông vận tải đã ban hành về việc thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 377/QĐ-TCCB-LĐ có tên giao dịch quốc tế là: Vietnam Sea Transport and Chartering Company (Vitarschart JSC)



2010

Công ty tăng vốn điều lệ lên 589.993.370.000 đồng để phục vụ cho hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh.

2011 đến nay

Công ty tập trung mọi nguồn lực để ổn định và vượt qua những khó khăn về tài chính và những trở ngại trong kinh doanh.



THÔNG TIN CHUNG

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



KINH DOANH VẬN TẢI BIỂN

Đây là lĩnh vực hoạt động cốt lõi của Công ty, chuyên khai thác vận tải biển. Tính đến 2012, hệ thống đội tàu vận tải của Công ty đã phủ rộng khắp thế giới. Các mặt hàng Công ty hay chuyên chở bao gồm hàng rời và bao kiện, hàng nông sản, bột giấy, thiết bị, lúa mì, gạo, đường, than đá, quặng, sắt, thép và các nguyên liệu, thành phẩm, sản phẩm khác.

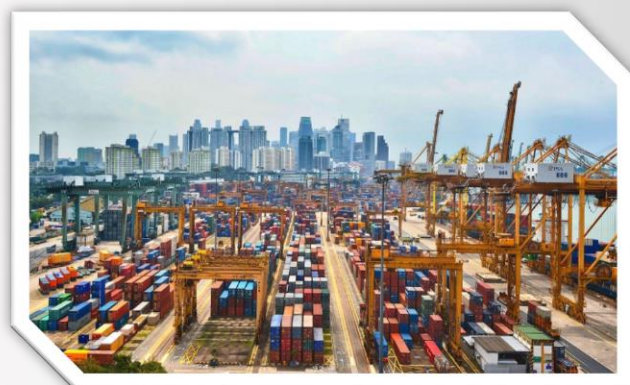


Ngành nghề và địa bàn kinh doanh (tiếp theo)



✚ ĐẠI LÝ TÀU BIỂN

Cùng với các mạng lưới chi nhánh trên toàn quốc, Công ty cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển có hiệu quả tới khách hàng tại tất cả các cảng ở Việt Nam.



✚ MÔI GIỚI VÀ CUNG ỨNG XUẤT KHẨU THUYỀN VIÊN (SCC)

Tuyển dụng, đào tạo và cung cấp thuyền viên có trình độ và kinh nghiệm cho đội tàu Công ty, các chủ tàu trên toàn thế giới. Ngoài ra, Công ty còn làm đại lý, môi giới thuyền viên cho các tàu trong và ngoài nước.

Hơn 1.050 thuyền viên có kinh nghiệm của Công ty đã và đang làm việc cho đội tàu của chính Công ty, các Công ty khác trong và ngoài nước như: Nhật Bản, Hy Lạp, Nga, Đài Loan và Hồng Kông.



THÔNG TIN CHUNG

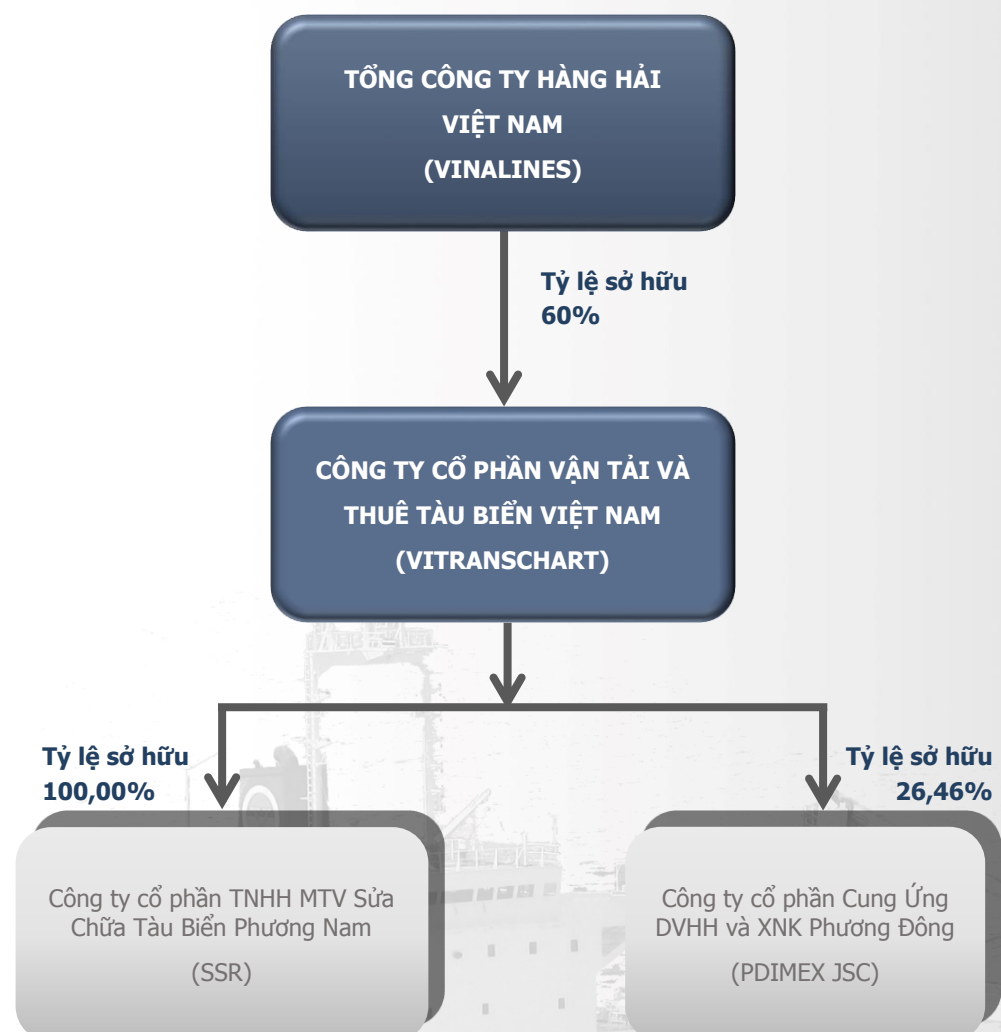
CÁC KHU VỰC CÁC TUYẾN HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU TỪ NĂM 2013 – 2015

Tuyến	2013	2014	2015
Nam Mỹ - Đông Nam Á	22%	26%	17%
Nam Mỹ - Tây phi	24%	19%	21%
Khu vực Đông Nam Á	14%	20%	23%
Đông Nam Á/Tây phi	20%	21%	17%
Khác	22%	14%	22%
Tổng cộng	100%	100%	100%

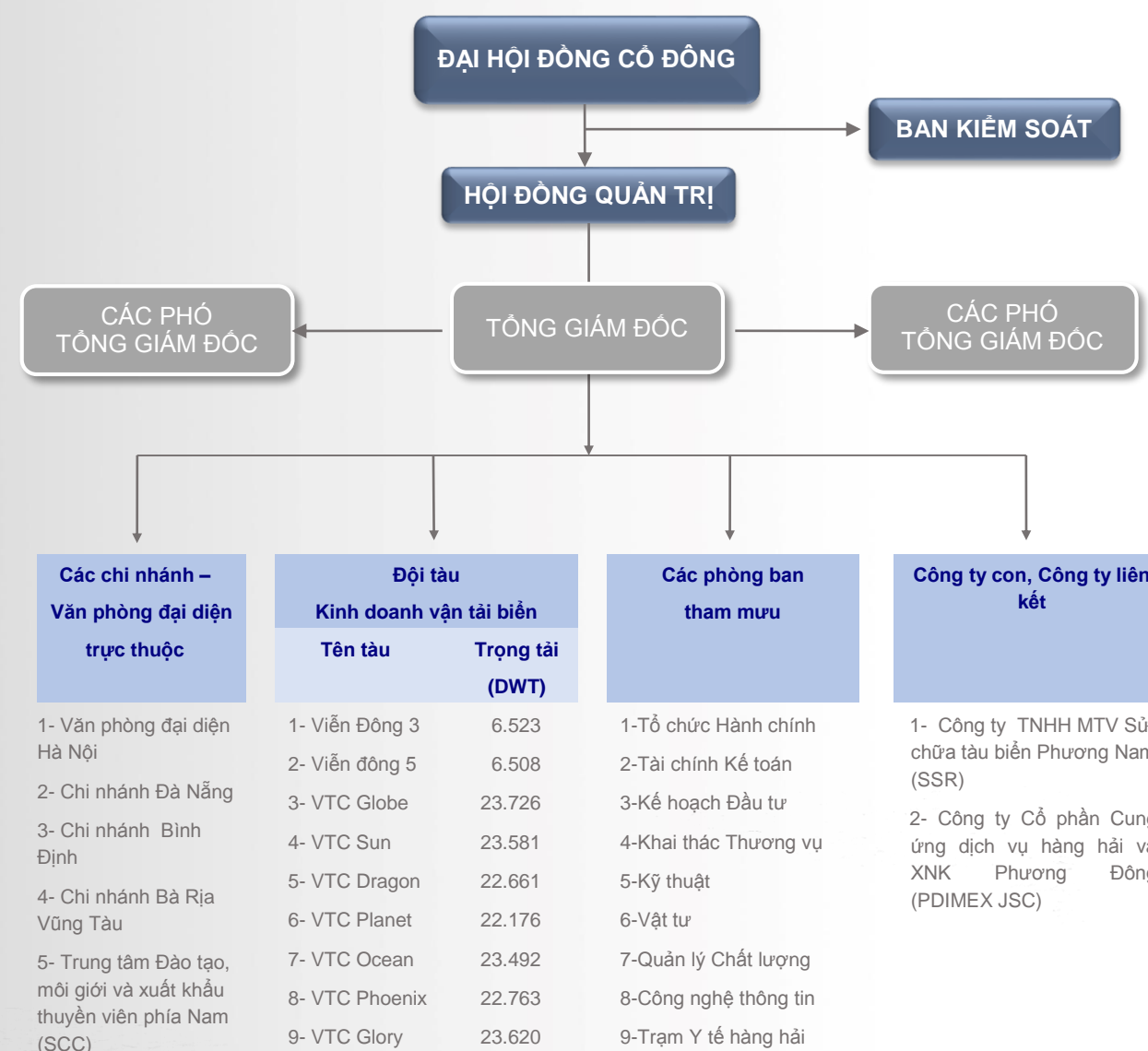


THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị Công ty hiện đang áp dụng là mô hình mẹ con với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam là Công ty mẹ với tỷ lệ sở hữu là 60% vốn cổ phần. Công Ty Cổ Phần TNHH MTV Sửa Chữa Tàu Biển Phương Nam (SSR) là Công ty con với tỷ lệ sở hữu là 100% và Công Ty Cổ Phần Cung Ứng DVHH và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC) là Công ty liên kết với tỷ lệ sở hữu 26,46%.



THÔNG TIN CHUNG



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR)

Vốn điều lệ: 5.500.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn: 100%

Trụ sở chính: 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính:

- ❖ Sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ).
- ❖ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy. Dịch vụ đại lý vận tải biển.
- ❖ Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan (trừ kinh doanh gas).



Công ty CP Cung Ứng Dịch Vụ Hàng Hải & XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)

Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn: 26,46%

Trụ sở chính: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính:

- ❖ Nhập khẩu nguyên vật liệu: thạch cao, xỉ cát, v.v... phục vụ sản xuất xi măng cung cấp cho các nhà máy xi măng khu vực phía Bắc và phía Nam từ nhiều nguồn khác nhau như Thái Lan, Đài Loan, Nhật Bản, v.v...
- ❖ Cung cấp đá pozzolan cho các nhà máy xi măng
- ❖ Vận chuyển clinker cho các nhà máy xi măng tuyến Hải Phòng - Hồ Chí Minh.
- ❖ Cung ứng các dịch vụ hàng hải phục vụ cho các đội tàu trong và ngoài nước gồm: cung ứng vật tư cho tàu.
- ❖ Sửa chữa và bảo dưỡng phao bè cứu sinh, gỗ gỉ sơn và vệ sinh công nghiệp tàu.



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY NẴM TRÊN 50% VỐN CỔ PHẦN

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Số lượng cổ phần nắm giữ: 35.400.000 cổ phần, chiếm 60% vốn điều lệ của Vitranschart.

Trụ sở chính: Tầng 17, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phường Mai, Hà Nội

Ngành nghề hoạt động:

- ❖ Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ, đa phương thức; khai thác cảng biển, cảng sông; kinh doanh kho, bãi; dịch vụ logistics; đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải; cung ứng tàu biển;
- ❖ Dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động đường thủy. Sửa chữa tàu
- ❖ Xuất khẩu phương tiện, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu chuyên ngành hàng hải; xuất khẩu lao động và cung ứng lao động hàng hải cho các tổ chức trong nước; đào tạo giáo dục định hướng và nghề nghiệp cho người đi làm việc ở nước ngoài; mua bán hàng hóa phục vụ người lao động đi làm việc ở nước ngoài bằng ngoại tệ hợp pháp;
- ❖ Sản xuất, mua bán, cho thuê phương tiện và thiết bị vận tải, bốc xếp chuyên ngành; xây dựng, lắp đặt trang thiết bị và hoàn thiện các công trình chuyên ngành; kinh doanh kho ngoại quan, thông tin chuyên ngành; gia công chế biến hàng xuất khẩu;
- ❖ Tổ chức dịch vụ đại lý vận tải, bốc xếp hàng hóa siêu trường, siêu trọng, hàng hóa thông thường, thiết bị máy móc, container bằng các phương tiện đường thủy, đường bộ trong và ngoài nước; thay mặt chủ hàng hoàn thành thủ tục hải quan;
- ❖ Giao nhận, vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu từ các cửa khẩu về kho hàng; cung ứng vật tư, nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt;
- ❖ Các loại hoạt động hỗ trợ vận tải: đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường không, đường ống. Phá dỡ phương tiện vận tải, bốc xếp cũ;
- ❖ Vận tải hành khách bằng ô tô; kinh doanh xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng; đại lý giao nhận, bán buôn, bán lẻ hàng hóa, xăng dầu chất đốt;
- ❖ Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ; san lấp mặt bằng cơ sở hạ tầng;
- ❖ Kinh doanh khách sạn nhà hàng; dịch vụ du lịch, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; dịch vụ vui chơi giải trí; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); kinh doanh cửa hàng miễn thuế, mua bán rượu, thuốc lá; kinh doanh bất động sản và hạ tầng giao thông; dịch vụ đại lý bán vé máy bay.

Hoạt động kinh doanh chính:

- ❖ Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ, đa phương thức;
- ❖ Khai thác cảng biển, cảng sông; kinh doanh kho, bãi; dịch vụ logistic;
- ❖ Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải; cung ứng tàu biển;
- ❖ Dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động thủy.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ♦ **Phương án kinh doanh:** Cố gắng duy trì mảng kinh doanh chính là vận tải biển bằng cách tăng cường các nhóm giải pháp về mặt khai thác, kỹ thuật, tài chính, an toàn an ninh hàng hải, chờ thời cơ thị trường phục hồi để thuê thêm tàu khai thác nhằm tích lũy phát triển đội tàu.
- ♦ **Kế hoạch đầu tư:** Tăng cường tích lũy để có vốn đối ứng phát triển đội tàu vào những năm cuối của kế hoạch 5 năm 2016-2020. Dự kiến đến năm 2019 và 2020, khi tình hình tài chính thuận lợi sẽ đầu tư mỗi năm 1 tàu hàng khô tải trọng 34.000 DWT đã qua sử dụng với mức đầu tư dự kiến 15 triệu USD/tàu.
- ♦ **Kế hoạch tài chính:**
 - Tích lũy để có vốn đối ứng phát triển đội tàu vào những năm cuối của kế hoạch 5 năm 2016-2020. Dự kiến năm 2019 và năm 2020 khi tình hình tài chính thuận lợi sẽ đầu tư mỗi năm 1 tàu hàng khô 34.000 DWT đã qua sử dụng với mức đầu tư dự kiến 15 triệu USD/tàu.
 - Ngoài ra, trình Vinalines kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét cho Vitranschart JSC được xóa lãi vay và khoan nợ gốc tại các ngân hàng có vốn nhà nước (VDB và Vietcombank).
- ♦ **Phát triển nguồn nhân lực:**
 - Rà soát lao động hiện có nhằm điều chỉnh, phân bổ, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo hợp lý.
 - Đánh giá đúng mức cán bộ trên cơ sở khả năng, năng lực công tác, có chính sách đãi ngộ đối với cán bộ giỏi, có năng lực.
 - Phân công công việc đúng năng lực trình độ của mỗi người.
 - Định biên phù hợp với nhiệm vụ, công việc: Định biên lại theo trung bình tiên tiến, cùng với xu hướng giảm dần định biên hiện nay đối với tất cả các khối, đặc biệt là khối gián tiếp (phục vụ, quản lý).
 - Trung tâm Đào tạo, môi giới và xuất khẩu thuyền viên phía Nam – SCC rà soát các thuyền viên không muốn đi tàu, ốm đau dài hạn mặc dù điều trị đã ổn định nhưng không đi tàu được, thuyền viên đang làm việc tại đơn vị khác, ý thức kỷ luật kém, trình độ chuyên môn hạn chế, v.v... Từ đó, áp dụng các biện pháp xử lý kịp thời và đưa ra chính sách phù hợp, thậm chí quyết định thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động (HĐLĐ) trong trường hợp cần thiết.
 - Nghiêm túc thực hiện đánh giá năng lực thuyền viên, phỏng vấn trước khi Công ty thuê và bố trí lên tàu.
 - Hạn chế tăng thuyền viên không hợp lý do tuyển dụng không phù hợp.
 - Chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện, nâng cao chất lượng tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ cũng như đạo đức nghề nghiệp cho các thuyền viên; ngoài ra cũng phát động các phong trào thi đua như hội thi tay nghề thuyền viên Vitranschart-SCC.
 - Tăng cường công tác kỷ luật lao động, thực hiện Bộ luật an toàn quốc tế, chấp hành tốt các quy định của Công ty, hăng hái thi đua, tăng năng suất lao động.

THÔNG TIN CHUNG

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- ♦ Vitranschart JSC luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý những chất thải của các đội tàu cũng như không ngừng tìm tòi thêm sáng kiến, phương pháp nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu, giảm tối đa khí thải nhà kính, bảo đảm môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO. Ngoài ra, định kỳ Công ty phát động các phong trào làm sạch đẹp văn phòng và đường phố nơi Văn phòng tọa lạc.
- ♦ Thực hiện tốt các chế độ, chính sách, đảm bảo đời sống, việc làm đối với cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên để người lao động yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty trong năm qua là 14.115.000 đồng/người/tháng. Nhân dịp đầu năm học mới 2015-2016, Quỹ khuyến học Công ty Vitranschart (VSEF) đã tuyên dương, khen thưởng con CBNV-SQTV có hoàn cảnh khó khăn cũng như đạt được những thành tích cao trong học tập.
- ♦ Tiếp tục xây dựng, tổ chức các hoạt động tập thể, phong trào thi đua của Công đoàn Công ty, góp phần nâng cao tinh thần gắn bó giữa cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên trong Công ty. Năm 2015, Công đoàn Công ty đã tổ chức các hoạt động chào mừng ngày thành lập Công ty; tổ chức giải Quần vợt Công ty chào mừng ngày các ngày lễ lớn 30/04 và 02/09.
- ♦ Duy trì các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" của Công ty nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBCNV với xã hội và cộng đồng, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty. Trong năm 2015, Công ty đã tổ chức bàn giao 4 căn nhà tình thương tại huyện Chợ Lách, Bến Tre, nâng tổng số nhà tình nghĩa, tình thương đã giao là 32 căn kể từ năm 2008 đến nay. Công ty cũng tổ chức thăm hỏi, tặng quà Bà Mẹ Việt Nam anh hùng do Công ty phụng dưỡng tại Quảng Nam và Bến Tre.





TẦM NHÌN, SỨ MỆNH & GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn

Trở thành một trong những Công ty vận tải biển hàng đầu khu vực Đông Nam Á đặc biệt trong lĩnh vực vận chuyển hàng khô rời, là đối tác tin cậy của khách hàng trên khắp thế giới qua việc cung cấp chất lượng dịch vụ ngày càng tốt hơn với giá cạnh tranh, liên tục đổi mới và tạo ra sự khác biệt trong các sản phẩm dịch vụ.

Sứ mệnh, tôn chỉ hoạt động

Vitranschart JSC là doanh nghiệp chuyên vận chuyển hàng hoá khắp thế giới bằng đường biển. Với mong muốn đóng góp nhiều hơn vào chuỗi logistics toàn cầu, Công ty còn tham gia hoạt động ở các lĩnh vực về dịch vụ hàng hải khác với chất lượng tốt và giá cả cạnh tranh. Chúng tôi luôn tin rằng trách nhiệm hàng đầu của mình là không chỉ đáp ứng nhu cầu mà còn đem đến sự hài lòng tuyệt đối cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ của Công ty. Vì thế chúng tôi luôn nỗ lực tái cấu trúc và hiện đại hóa, trẻ hoá đội tàu, xây dựng một hệ thống chất lượng cung cấp dịch vụ vận tải đạt hiệu quả cao và bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo quyền lợi cho các khách hàng. Công ty luôn tìm mọi cách để nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá các loại hình kinh doanh, củng cố và phát triển thị trường, v.v...

Giá trị cốt lõi của doanh nghiệp

- ◆ Uy tín về thương hiệu, chất lượng phục vụ và năng lực cạnh tranh;
- ◆ Luôn đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng với phương châm đôi bên cùng có lợi;
- ◆ Đội ngũ cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm, chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp;
- ◆ Tuân thủ luật pháp;
- ◆ Kinh doanh bền vững, ứng dụng công nghệ tiên tiến;
- ◆ An toàn cho con người, phương tiện và hàng hóa, bảo vệ môi trường;
- ◆ Văn hóa doanh nghiệp đoàn kết, gắn bó, hợp tác, chia sẻ;
- ◆ Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội, v.v...

THÔNG TIN CHUNG

CÁC RỦI RO



Rủi ro về kinh tế và chính trị

Năm 2015 khép lại đầy biến động với hàng loạt xung đột tại các điểm nóng trên thế giới, sự hoành hành của Nhà nước Hồi giáo tự xưng ISIS, đối đầu Nga – Phương Tây, khủng hoảng người di cư đến Châu Âu, cùng các thảm họa thiên nhiên, thảm họa công nghiệp, hoạt động phi pháp của Trung Quốc tại khu vực Biển Đông, v.v...

Nhìn chung, nền kinh tế thế giới năm qua vẫn tiếp tục là một năm khó khăn, bất ổn chứ không như kỳ vọng hồi đầu năm. IMF đã liên tục hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu và chỉ đạt 3,1%. Ba nhân tố chính ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu bao gồm:

(1) Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm (tốc độ tăng trưởng GDP năm 2015 của Trung Quốc đạt 6,9% - mức thấp nhất trong vòng 25 năm qua) cùng với quá trình tái cân bằng một cách nặng nhọc của nền kinh tế nước này;

(2) Giá hàng hóa và giá nhiên liệu giảm (giá dầu thô thế giới năm 2015 đã giảm đến 46% so với năm 2014 - bình quân khoảng 52 USD/ thùng);

(3) Chính sách thắt chặt tiền tệ của Mỹ trong bối cảnh kinh tế Mỹ phục hồi chậm. Tốc độ tăng trưởng tại các nền kinh tế mới nổi và các nước đang phát triển (đóng góp hơn 70% GDP toàn cầu) giảm liên tiếp trong vòng 5 năm qua; trong khi tốc độ hồi phục kinh tế tại một số nước phát triển vẫn khá chậm.

Bên cạnh việc chịu rất nhiều tác động từ môi trường kinh tế vĩ mô, hoạt động vận tải biển còn chịu nhiều tác động của tình hình chính trị trên thế giới. Mâu thuẫn chính trị giữa các nước Mỹ - Nga – Trung Quốc và đặc biệt bất ổn chính trị ở Trung Đông lan rộng; khủng hoảng hạt nhân tại bán đảo Triều Tiên; bất ổn chính trị ở Thái Lan; cướp biển Somali, Trung Quốc liên tục có những động thái gia tăng sức ép với các quốc gia láng giềng về đường biên giới trên biển, v.v... càng làm cho nền kinh tế thế giới suy thoái. Những sự kiện trên đã ảnh hưởng lớn tới quan hệ thương mại giữa các quốc gia, các khu vực và toàn cầu, làm giảm sản lượng xuất khẩu và vận chuyển hàng hóa toàn thế giới, ảnh hưởng nghiêm trọng tới tổng cầu, v.v... làm ngành vận tải biển rơi vào tình trạng khó khăn nghiêm trọng với hàng loạt tên tuổi lớn ra đi.

Rủi ro về luật pháp



Là công ty có vốn góp nhà nước, Vitranschart JSC phải chịu nhiều ràng buộc về trách nhiệm pháp lý hiện hành và các luật thay thế, sửa đổi như Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 (có hiệu lực thi hành từ 01/7/2015), Luật Chứng Khoán, Luật các TCTD, Luật đấu thầu và các quy định về bảo toàn vốn đối với công ty có mức vốn góp nhà nước trên 50%, v.v...

Ngoài ra, do phạm vi hoạt động của đội tàu Công ty rộng khắp thế giới nên cũng phải chịu nhiều áp lực từ các Công ước về an toàn, an ninh, bảo vệ môi trường và lao động Hàng hải, v.v...

Rủi ro đặc thù

Chịu tác động mạnh mẽ từ kinh tế toàn cầu, thị trường hàng khô rời năm 2015 nhuộm đầy gam màu đen tối và dường như giảm vô tận. Giá tàu đã qua sử dụng rơi xuống mức thấp nhất trong vòng 15 năm. Chỉ số BDI nhiều lần xác lập mức thấp kỷ lục trong lịch sử và chỉ còn 471 điểm (tính đến 16/12). Toàn bộ chỉ số cước của 4 phân khúc tàu đều đã chạm mức thấp nhất trong lịch sử 30 năm qua. Chỉ số BDI và BHSI bình quân hầu hết các tháng đều thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2014. Chỉ số BDI và BHSI bình quân năm 2015 lần lượt là 712 điểm và 364 điểm, giảm 390 điểm (35,4%) và 160 điểm (31%) so với năm 2014.

Mặc dù giá dầu thô thế giới năm 2015 đã giảm đến 46% (bình quân khoảng 52 USD/ thùng) và tăng trưởng đội tàu chỉ ở mức 2,6%, giảm 48% so với năm 2014 (tăng trưởng đội tàu 15% năm 2011; 14% năm 2012; 7,4% năm 2013 và 5,3% năm 2014) nhưng thị trường vận tải biển vẫn diễn biến theo chiều hướng xấu. Nguyên nhân chủ yếu do tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc chậm lại (chỉ đạt 6,9%) và kinh tế toàn cầu nói chung vẫn trì trệ (ước đạt 3,1%); tăng trưởng thương mại thế giới giảm mạnh từ mức 3,1% năm 2014; 2,1% năm 2013 và 2% năm 2012; xuống còn 1% trong năm 2015 - thậm chí còn thấp hơn cả tốc độ tăng trưởng giai đoạn suy thoái đầu những năm 1990; kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc giảm 13% và xuất khẩu giảm 2%; nhập khẩu than nhiệt và quặng sắt của Trung Quốc sụt giảm mạnh và liên tục xuống mức thấp nhất trong nhiều năm qua do các chính sách môi trường nghiêm ngặt và sức tiêu thụ thép giảm.

Trước cơn bão thị trường vận tải biển thế giới, cước nội địa năm 2015 cũng đã rơi xuống mức đáy, song doanh nghiệp vẫn dò dẫm chạy được do giá nhiên liệu giảm và cắt tối đa chi phí. Nhu cầu của khách hàng rất thấp trong khi giá cước xuống không thể thấp hơn khiến nhiều doanh nghiệp đã phải áp dụng giải pháp cuối cùng là dừng tàu để giảm bớt lỗ.



THÔNG TIN CHUNG

Nhìn chung, ngành vận tải biển Việt Nam đã phát triển quá nhanh trong các năm qua, kể cả số lượng tàu, trọng tải tàu và các doanh nghiệp quản lý khai thác tàu biển nhưng hầu hết hoạt động với quy mô nhỏ, manh mún, phân tán và thiếu chiến lược phát triển bền vững. Ngoài ra, quy mô vốn và kinh nghiệm quản lý chưa đáp ứng tốt các yêu cầu của ngành vận tải biển toàn cầu, đặc biệt là khả năng chịu đựng khi giá cước giảm sâu do cán cân cung cầu toàn ngành bị mất cân đối nặng nề như những năm qua. Chính sự phát triển quá nóng, phân tán và không phù hợp với nhu cầu thị trường, đã và đang làm cho ngành vận tải biển trong nước gặp rất nhiều khó khăn thách thức như việc thiếu các size, trình trạng kỹ thuật và loại tàu phù hợp thị trường cũng như tình trạng hàng hóa ít mà tàu nhiều, v.v... nên các chủ tàu cạnh tranh gay gắt, giảm giá cước tối đa, chấp nhận chịu thanh toán chậm, khai thác ở các tuyến hàng khó khăn nhưng cước thấp, v.v... càng khiến khó khăn ngày càng chồng chất cho các doanh nghiệp vận tải biển. Không chỉ thế, doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam luôn trong tình trạng khát vốn, cả vốn lưu động cũng như vốn đầu tư dài hạn. Hơn nữa, nguồn nhân lực quản lý, vận hành khai thác tàu có trình độ chuyên môn và ý thức nghề nghiệp cao cũng luôn thiếu hụt. Vì vậy không chỉ khó để phát triển dài hạn mà nguy cơ tan vỡ càng dễ xảy ra đối với doanh nghiệp nếu không linh hoạt ứng phó với thị trường và phong ba bão táp là những đặc thù của ngành vận tải biển.

Rủi ro khác

Công ty lại không thể vay thêm vốn phục vụ sản xuất kinh doanh khi tình trạng tín dụng do nợ ngân hàng, nhà cung cấp, v.v... ở mức cao. Ngoài ra, các chi phí như lãi suất vốn vay, chênh lệch tỷ giá, phụ tùng, vật tư, v.v... cũng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những tác động trên đã gây trở ngại lớn cho việc lập và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch thanh toán vốn ngân hàng cũng như tác động xấu đến chiến lược phát triển của doanh nghiệp hiện tại và tương lai.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- ◆ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ◆ Tổ chức và nhân sự
- ◆ Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- ◆ Tình hình tài chính
- ◆ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của CSH
- ◆ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2015 đã đi qua với rất nhiều thử thách đối với Công ty. Tình trạng khó khăn của ngành vận tải biển nói chung và Công ty nói riêng vẫn còn tiếp diễn. Đối với lĩnh vực kinh doanh của mình, sự biến động giá cước vận tải đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định cho công ty. Tuy nhiên, hàng hóa ngày càng khan hiếm trong khi tình trạng dư thừa trọng tải vẫn còn tiếp diễn đã làm cho giá cước vẫn ở mức thấp.

Hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp vận tải đã rơi vào tình trạng thu không bù chi, thua lỗ kéo dài, nợ nần chồng chất. Mặc dù Công ty đã luôn nỗ lực trong mọi quyết định đưa ra nhưng những khó khăn chung của ngành đã khiến hoạt động kinh doanh Công ty thua lỗ, tình hình tài chính vô cùng khó khăn.

Đơn vị: triệu đồng

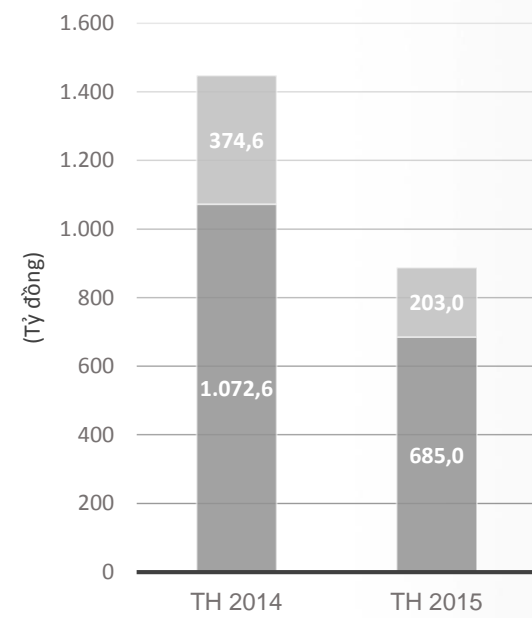
Kết quả hoạt động SXKD	2014	2015
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	1.418.962	872.706
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	-88.582	-119.057
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-313.686	-307.410
Lợi nhuận khác	-573	113.555
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-314.259	-194.705
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-235.770	-194.024
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	549	-177
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	-4.005	-3.286

Doanh thu thuần năm 2015 Công ty thực hiện 872 tỷ đồng, đây là kết quả khá thấp so với năm 2014. Nguyên nhân chủ yếu do giá cước vận tải bình quân tiếp tục giảm trong năm nay, trong khi sản lượng luân chuyển (của tất cả các mặt hàng truyền thống trên những tuyến chính Nam Mỹ/Đông Nam Á, Nam Mỹ/Tây phi, khu vực Đông Nam Á, v.v...) đều tăng so với năm ngoái.

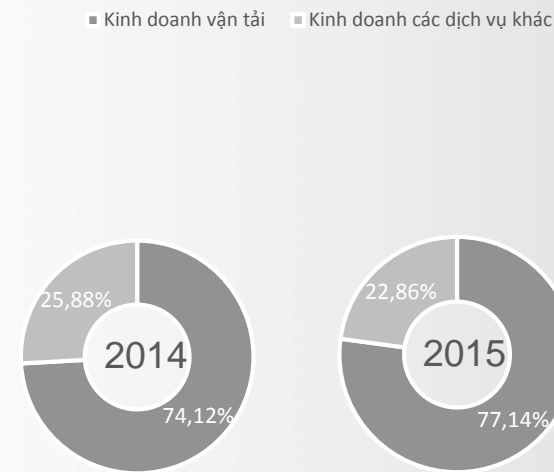
Năm 2015, Công ty đã nỗ lực để giữ cho đội tàu hoạt động an toàn, cố gắng duy trì sản xuất chính, sản xuất phụ, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2015	TH 2015	TH 2014	% so với KH	% so với TH 2014
Sản lượng vận chuyển	Tấn	1.973,03	1.740,63	1.686.637	88%	103%
Sản lượng luân chuyển	Tỷ TKm	8,22	9,61	11,66	117%	82%
Doanh thu các hoạt động	Tỷ VNĐ	1.079,00	887,96	1.447,20	83%	61%
<i>Trong đó:</i>						
+ Kinh doanh vận tải	Tỷ VNĐ	788,45	685,00	1.072,60	87%	64%
+ Kinh doanh các dịch vụ khác	Tỷ VNĐ	290,54	202,96	374,60	70%	54%
Lãi/Lỗ trước thuế	Tỷ VNĐ	(109,04)	(193,85)	(314,26)	-	-



Cơ cấu doanh thu (giá trị)



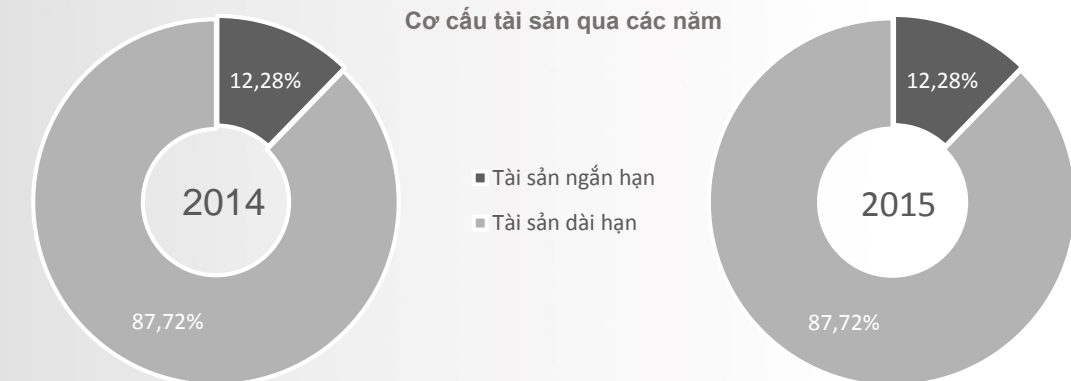
Cơ cấu doanh thu (tỷ lệ)

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tài sản

Đơn vị: triệu đồng

TÀI SẢN	2014	2015	% thay đổi
Tài sản ngắn hạn	326.587,18	233.873,07	-28,39%
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.461,88	35.396,67	-32,53%
Các khoản phải thu	115.475,88	108.636,34	-5,92%
Hàng tồn kho	99.117,13	56.753,88	-42,74%
Tài sản ngắn hạn khác	59.532,29	33.086,18	-44,42%
Tài sản dài hạn	2.333.983,99	1.671.224,44	-28,40%
Các khoản phải thu dài hạn	1.306,50	1.343,34	2,82%
Tài sản cố định	2.136.192,30	1.470.550,84	-31,16%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	7.128,20	-
Tài sản dài hạn khác	195.683,65	189.684,86	-3,07%
Tổng tài sản	2.660.571,16	1.905.097,51	-28,40%



Năm 2015, tổng giá trị tài sản của Công ty sụt giảm mạnh so với cuối năm 2014, chỉ còn khoảng 1.900 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là sự thay đổi trong khoản mục tài sản dài hạn, cụ thể là Công ty đã bàn giao, chuyển nhượng 3 tàu: VTC.Sky, VTC.Tiger và VTC.Ace. Tương ứng với tài sản dài hạn, thì khoản mục tài sản ngắn hạn cũng có mức giảm từ 327 tỷ xuống 234 tỷ đồng. Cơ cấu tài sản năm 2015 của Công ty không có thay đổi đáng kể.

Nguồn vốn

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn vốn	2014	2015	% thay đổi
Nợ phải trả	2.661.748,30	2.109.659,57	-20,74%
Nợ ngắn hạn	482.318,73	366.801,85	-34,95%
Nợ dài hạn	2.179.429,58	1.742.857,71	-20,03%
Vốn chủ sở hữu	-1.177,13	-204.562,05	-
Lợi ích của CĐ thiểu số	8.849,97	-	-100,00%
Tổng nguồn vốn	2.660.571,16	1.905.097,52	-28,40%

Trong 2 năm 2014 và 2015, nợ phải trả luôn cao hơn tổng nguồn vốn. Tuy nhiên, khoản mục nợ phải trả năm nay đã giảm đi đáng kể, từ 2.660 tỷ xuống còn 2.110 tỷ đồng tương ứng với mức giảm 21%, nhờ việc bán tàu khấu trừ nợ.

PHÂN TÍCH SWOT

Tình hình khó khăn trong giai đoạn hiện tại cũng là cơ hội để Công ty nhận ra điểm mạnh, điểm yếu, những thuận lợi và thách thức Công ty đang gặp phải để tìm cách khắc phục và phát triển xa hơn nữa trong tương lai.

Điểm mạnh

- ♦ Thương hiệu uy tín và chất lượng trên thị trường vận tải Việt Nam và thế giới, có bề dày lịch sử và luôn đứng ở top đầu trong ngành vận tải biển Việt Nam và có tiềm năng phát triển bền vững.
- ♦ Đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng với phương châm hai bên cùng có lợi.
- ♦ Là doanh nghiệp cổ phần có 60% vốn nhà nước sở hữu, nên được hưởng ưu đãi về chính sách tài chính, thuế và đầu tư. Được hỗ trợ vốn, ưu đãi lãi suất, thuế thu nhập, chính sách khấu hao khi thực hiện các dự án, đặc biệt là đầu tư đóng tàu.
- ♦ Có hệ thống tổ chức quản lý chặt chẽ (tuân thủ ISM CODE) và áp dụng công nghệ thông tin tiên tiến SAP, có hệ thống kinh doanh dọc và ngang.
- ♦ Đội ngũ nhân sự trên bờ và dưới tàu có đặc điểm đoàn kết, thống nhất cao, tác phong làm việc chuyên nghiệp, giỏi chuyên môn và giàu kinh nghiệm.
- ♦ Am hiểu tập quán các cảng trên các tuyến truyền thống đó cũng là thế mạnh rất riêng.
- ♦ Thực hiện tốt các chính sách pháp luật, an sinh xã hội và chế độ lương đối với người lao động và chăm lo tốt các hoạt động đoàn thể, phong trào khác.
- ♦ Tuân thủ tốt các quy định trong ngành về an toàn và quản lý kỹ thuật vận hành tàu.
- ♦ Tình hình tài chính công khai minh bạch.

Điểm yếu

- ♦ Tình hình thị trường và kết quả SXKD những năm qua và hiện tại hết sức khó khăn do kinh doanh thua lỗ nặng nề và liên tục.
- ♦ Một số tàu đã trên 20 tuổi, tình trạng kỹ thuật không còn tốt do tuổi tàu cao nên kém khả năng cạnh tranh.
- ♦ Vùng khai thác bị hạn chế do các yếu tố khách quan như cướp biển, bất ổn chính trị.
- ♦ Chưa có bộ phận đánh giá rủi ro để đánh giá rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro.
- ♦ Một số tàu của Công ty vẫn bị tạm giữ để điều tra và/hoặc bị phạt hành chính do thanh thải dầu bẩn, tai nạn va chạm tàu, có người trốn trên tàu, tai nạn của thuyền viên trên tàu, v.v...
- ♦ Các kỹ thuật, công nghệ cốt lõi và kỹ năng chưa hiện đại.
- ♦ Nguồn lực tài chính hạn hẹp, thiếu vốn đầu tư nên chưa có điều kiện trang bị thật tốt về cả phương tiện và con người để mở rộng cũng như duy trì vùng hoạt động.
- ♦ Khả năng thích ứng và phản ứng chưa linh hoạt (về chiến lược) khi môi trường và thị trường biến đổi nhanh và liên tục.
- ♦ Chưa sử dụng hiệu quả tối đa nguồn nhân lực, cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên chưa làm việc hết năng suất. Một bộ phận còn quan liêu, không chịu nâng cao kiến thức chuyên môn để thích ứng với cơ chế thị trường và yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- ♦ Công tác nghiên cứu thị trường, marketing, tìm kiếm khách hàng chưa chú trọng, còn thụ động tìm kiếm nguồn hàng, phụ thuộc nhiều vào các nhà môi giới nên khách hàng ít và hay bị ép giá.
- ♦ Lập kế hoạch SXKD và ngân sách cho từng bộ phận còn ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố chủ quan. Quản lý kinh doanh các Chi nhánh, công ty con chưa được hiệu quả.
- ♦ Cảng biển nội địa nhỏ, lạc hậu, hệ thống logistics chưa phát triển.
- ♦ Chỉ số BDI nhiều lần xác lập mức thấp kỷ lục trong lịch sử và chỉ còn 471 điểm (tính đến 16/12). Toàn bộ chỉ số cước của 4 phân khúc tàu đều đã chạm mức thấp nhất trong lịch sử 30 năm qua. Chỉ số BDI và BHSI bình quân hầu hết các tháng đều thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2014. Chỉ số BDI và BHSI bình quân năm 2015 lần lượt là 712 điểm và 364 điểm, giảm 390 điểm (35,4%) và 160 điểm (31%) so với năm 2014.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện thời	lần	0,69	0,70
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,48	0,53
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	100,04	110,74
Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	-	-
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Kỳ lưu kho bình quân	ngày	30,42	28,68
Kỳ thu tiền bình quân	ngày	26	47
Vòng quay tài sản cố định	Vòng	0,63	0,48
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,52	0,38
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	-
Lợi nhuận sau thuế/Nguồn VCSH	%	-	-
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-	-
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	-	-

Về khả năng thanh toán

Hệ số khả năng thanh toán hiện thời không có thay đổi đáng kể khi chỉ tăng nhẹ từ 0,69 lần lên 0,7 lần năm 2015. Khả năng thanh toán nhanh đạt 0,53 lần, cao hơn so với mức 0,48 lần trong năm 2014.

Với hệ số thanh toán dưới 1 như hiện tại, Công ty sẽ không thuận lợi trong việc tìm kiếm những nhà cung cấp có mức giá tốt vì đang ở mức được đánh giá là kém an toàn.

Về cơ cấu nguồn vốn

Đặc trưng của ngành nói chung và Công ty nói riêng sử dụng đòn bẩy tài chính rất lớn. Nguồn vốn của Công ty chủ yếu được tài trợ từ các khoản nợ vay. Nhưng năm 2015, số dư nợ phải trả đã vượt quá tổng nguồn vốn với tỷ lệ khoảng 110%.

Cơ hội

- ◆ Dồi dào về nguồn nhân lực giá rẻ, lợi thế về địa lý khi có bờ biển dài.
- ◆ Chính phủ có chính sách bảo hộ vận tải nội địa và nhiều chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế biển.
- ◆ Thỏa thuận Thương mại tự do và hiệp định TPP, tỷ trọng XNK trong nền kinh tế cao làm rào cản thương mại, thuế quan giảm, cơ hội tìm kiếm thị trường mới tăng.
- ◆ Chủ trương thoái vốn sở hữu nhà nước trong các doanh nghiệp ngành hàng hải ngày càng mạnh giúp làm giảm tính trì trệ và mang lại sự năng động cùng các cơ hội phát triển mới.
- ◆ Lợi thế liên kết, hợp tác với các công ty con của Vinalines về cảng và hậu cần logistics.

Thách thức

- ◆ Bệnh dịch và cướp biển hoành hành làm hạn chế tuyến khai thác. Tình trạng ùn tắc cảng, chờ cầu, chờ hàng kéo dài.
- ◆ Yêu cầu về an ninh, an toàn bảo vệ môi trường hàng hải ngày càng khắt khe hơn đòi hỏi kỹ thuật vận hành khai thác và đầu tư cho đội tàu ngày càng cao. Nhất là xu thế các thị trường giàu tiềm năng nhưng khó tính như Châu Âu ưu tiên cho các loại tàu Ecoship thân thiện với môi trường là một thách thức không nhỏ đối với việc đầu tư, trẻ hóa đội tàu trong điều kiện tài chính vô cùng khó khăn như hiện nay.
- ◆ Tình trạng biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng cao cùng những thay đổi bất thường của thời tiết làm cho bão, sóng thần và thiên tai xảy ra liên tiếp, nghề đi biển gặp nhiều khó khăn, nguy hiểm hơn.
- ◆ Kinh tế Việt Nam còn khó khăn, tăng trưởng thấp, thị trường tài chính – tiền tệ khó khăn, tỷ lệ nợ xấu tăng cao buộc nhiều định chế tài chính và các doanh nghiệp phải tái cấu trúc, sáp nhập, thậm chí phá sản ngày càng nhiều.
- ◆ Luật lệ về vận tải biển ở Việt Nam còn rườm rà, chưa chặt chẽ, thậm chí còn lạc hậu nên rất lúng túng khi tham gia các công ước quốc tế.
- ◆ Chiến lược phát triển đội tàu trong nước còn yếu và nhiều bất cập do thiếu dự báo chính xác và các doanh nghiệp trong ngành phát triển đội tàu còn manh mún, tự phát và không đồng bộ với khả năng vận hành, khai thác.
- ◆ Thị trường năm 2016 được nhận định sẽ còn tồi tệ hơn năm 2015 và chỉ có thể hồi phục vào năm 2017 hoặc đến năm 2020. Cụ thể, trong 2 tháng đầu năm 2016 này, các chỉ số Baltic liên tiếp ghi nhận mức thấp kỷ lục mới, đến ngày 10/2 chỉ số BDI giảm còn 290 điểm và ngày 12/2 BHSI giảm còn 183 điểm. Giá cước bình quân các phân khúc tàu giảm xuống dưới 3000USD/ ngày. Có thể nói rằng các chủ tàu đang phải đối mặt với tình trạng khó khăn nhất từ trước đến nay. Chỉ số BDI và BHSI bình quân từ đầu năm 2016 đến ngày 22/02 lần lượt đạt 344 điểm và 218 điểm; giảm 289 điểm (45,7%) và 135 điểm (38%) so với cùng kỳ năm 2015. Với tình trạng giá cước thấp hơn chi phí khai thác tàu kéo dài như vậy, sẽ có nhiều hãng tàu phải đối mặt với nguy cơ phá sản nếu không có đủ năng lực tài chính. Ngoài ra, mặc dù tăng trưởng thương mại thế giới dự kiến sẽ mạnh hơn trong năm 2016 này với 3% và đạt khoảng 5% trong giai đoạn 2018-2020, nhưng tốc độ tăng trưởng đội tàu cũng được dự báo cao hơn so với năm 2015, đạt 2,9% năm 2016 và 2,2% năm 2017. Do vậy cung cầu thị trường vẫn sẽ chưa thể phục hồi trong ngắn hạn.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách thành viên Ban điều hành



Tổng Giám đốc Phạm Thị Cẩm Hà

Sinh năm: 1965

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Tỷ lệ sở hữu: 0,20%



Phó Tổng Giám đốc Huỳnh Nam Anh

Sinh năm: 1966

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ khoa học ngành quản lý vận tải biển, Cao cấp lý luận chính trị

Tỷ lệ sở hữu: 0,16%



Phó Tổng Giám đốc Dương Đình Ninh

Sinh năm: 1956

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác máy tàu biển, cao cấp lý luận chính trị

Tỷ lệ sở hữu: 0,0342%

**Phó Tổng Giám đốc****Đặng Hữu**

Sinh năm: 1960

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác máy tàu biển, Cao cấp lý luận chính trị

Tỷ lệ sở hữu: 0%

**Kế toán trưởng****Mai Thị Thu Vân**

Sinh năm: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Tỷ lệ sở hữu: 0,0136%

Những thay đổi trong Ban điều hành

- ◆ Ngày 20/05/2015: Ông Đặng Hữu giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- ◆ Ngày 01/09/2015: Ông Trương Đình Sơn thôi giữ chức Tổng Giám đốc Công ty.
- ◆ Ngày 01/09/2015: Bà Phạm Thị Cẩm Hà giữ chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

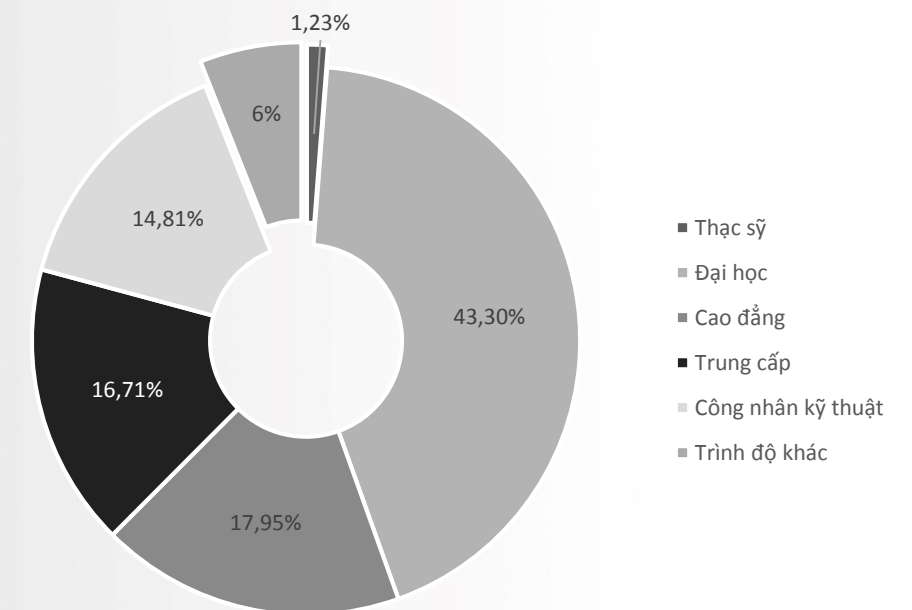
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**Tình hình lao động**

Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn và thách thức, cũng như quy mô đội tàu Công ty thu hẹp, để vượt qua, đi đôi với việc triển khai các nhóm giải pháp duy trì, ổn định SXKD, Công ty đã triển khai mạnh mẽ việc tái cơ cấu tổ chức của Công ty, thực hiện gọn nhẹ, hiệu lực và hiệu quả hơn, với kết quả:

- Tổng số CBNV văn phòng Công ty từ 116 người, còn 87 người, giảm 29 người (tính đến ngày 31/12/2015).

- Giảm số phòng/ban từ 12 xuống còn 9 phòng/ban, từ đó số trưởng/phó phòng từ 26 người xuống còn 20 người, giảm 6 người.

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (31/12/2014)	Số lượng (31/12/2015)	Tỷ trọng (%)
	Tổng số lao động	1.110	1.053	100,00
1	Phân theo trình độ lao động	1.110	1.053	100,00
	- Tiến sĩ	1	00	00
	- Thạc sỹ	14	13	1,23
	- Đại học	476	456	43,30
	- Cao đẳng	158	189	17,95
	- Trung cấp	165	176	16,71
	- Công nhân kỹ thuật	226	156	14,81
	- Trình độ khác	70	63	6,00
2	Phân theo công việc	1.110	1.053	100,00
	- Khối trên bờ	175	132	12,54
	- Khối thuyền viên	935	921	87,46
3	Phân theo hợp đồng lao động (HĐLĐ)	1.110	1.053	100,00
	- HĐLĐ không thời hạn	581	559	53,09
	- HĐLĐ từ 1 đến 3 năm	524	487	46,25
	- HĐLĐ dưới 1 năm	5	7	0,66



Cơ cấu lao động theo trình độ

Chính sách đối với người lao động

Hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty gặp nhiều khó khăn về thị trường, tài chính, nên việc giải quyết công ăn việc làm cho người lao động là một thách thức. Tuy vậy, Công ty vẫn luôn đảm bảo việc làm cho người lao động khi người lao động còn gắn bó với Công ty vì đó là truyền thống quý giá của các thế hệ lãnh đạo của Công ty trải qua các thời kỳ và hiện vẫn đang phát huy, được cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên trân trọng. Điều này thể hiện sự quan tâm sâu sắc và chăm lo cho đội ngũ cán bộ từ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên các cấp, các đơn vị của Đảng uỷ, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Công đoàn Công ty, cũng như Thủ trưởng các đơn vị và có sự đồng thuận nhất trí cao trong toàn Công ty, đã đề cao tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển bền vững Công ty. Năm 2015 là năm được đánh giá chất lượng thuyền viên làm việc trên đội tàu ổn định và nâng một bước đáng kể.

♦ Chính sách việc làm, điều kiện làm việc

Quy chế tuyển dụng lao động và quản lý cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty

Quy chế tuyển dụng lao động và quản lý cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty ban hành có hiệu lực từ ngày 15/10/2012, thay thế Quy chế Công ty đã ban hành năm 2008. Dù hiện tại chưa có tổng kết, đánh giá, nhưng có nhiều diễn biến tích cực như đã thu hút, động viên, khuyến khích được sỹ quan thuyền viên đóng góp cho Công ty và ổn định được lực lượng sỹ quan thuyền viên để gắn bó lâu dài với Công ty cũng như nghề đi biển. Đồng thời, phát huy được vai trò quan trọng để duy trì hoạt động đội tàu ổn định năm 2015, trong điều kiện Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính. Giải quyết chấm dứt HĐLĐ, trợ cấp thôi việc đúng trình tự, chế độ theo quy định của Bộ luật Lao động. Tuy nhiên, do thực tế gặp khó khăn về tài chính nên việc nộp BHXH nói chung và trợ cấp thất nghiệp có lúc còn chậm, người thất nghiệp đã không đăng ký được để chế độ hưởng trợ cấp do BHXH chi trả. Trong trường hợp người lao động thôi việc thực sự khó khăn về tài chính, Công ty đã hỗ trợ một phần mức trợ cấp thất nghiệp theo quy định, từ nguồn của Công ty. Đây là cố gắng lớn của Công ty trong việc chia sẻ khó khăn với người lao động.

Điều kiện làm việc

Công ty thực hiện chủ trương xuyên suốt và chú trọng chăm lo đến điều kiện làm việc, môi trường làm việc cho cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty, nên đã đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần tăng năng suất, hiệu quả lao động, đi đôi với bảo đảm sức khỏe, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn lao động (TNLĐ), bệnh nghề nghiệp tại Công ty. Đồng thời tạo nên sự yên tâm, gắn bó với Công ty của người lao động, đặc biệt trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn như hiện nay. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng truyền thống, tạo nên nét văn hóa của doanh nghiệp, môi trường làm việc thân thiện, chan hòa, chia sẻ, giúp nhau cùng tiến bộ.

Khối văn phòng Công ty, các chi nhánh Công ty bảo đảm đầy đủ dụng cụ làm việc cần thiết, phù hợp cho từng chức danh; phòng làm việc ánh sáng đầy đủ, trang bị máy lạnh, thông thoáng; khuôn viên có cây xanh, sạch đẹp, an toàn.

Tại các tàu biển Công ty, do tuổi tàu bình quân được cải thiện đáng kể những năm gần đây, đi đôi với việc từng bước tuân thủ Công ước lao động hàng hải quốc tế (MLC 2006), từ chính sách đến thực hiện, đã góp phần đáng kể tạo môi trường và điều kiện làm việc của thuyền viên ngày càng được cải thiện rõ rệt.

Bảo đảm thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi theo quy định của Bộ Luật Lao động, Bộ Giao thông vận tải và Nội quy lao động Công ty và có lợi hơn cho người lao động.

Công tác bảo hộ lao động

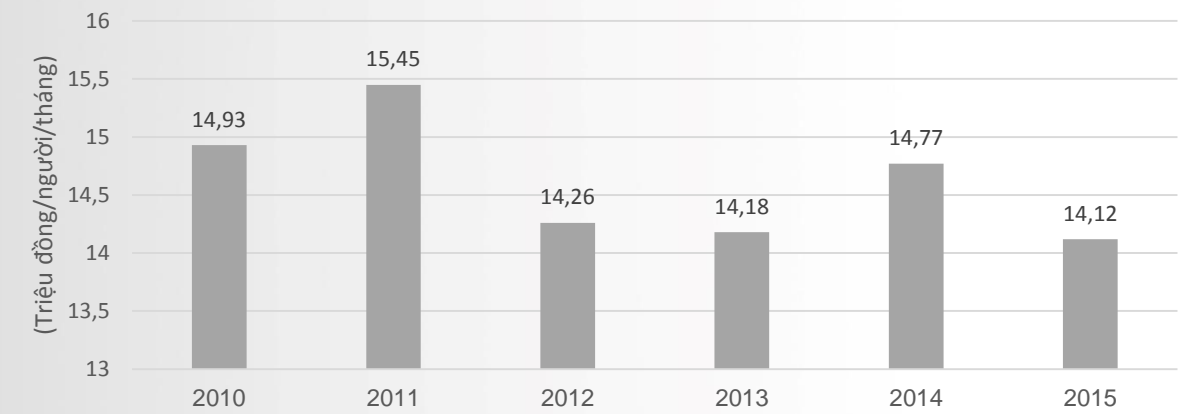
Công ty có quy định công tác bảo hiểm lao động, quy định trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong hoạt động của mình phải bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ tại đơn vị, góp phần hoạt động của Công ty có kết quả tích cực, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hàng năm Công ty có lập kế hoạch công tác bảo hộ lao động, bao gồm các chi phí cho: an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Năm 2015 đã không có trường hợp TNLĐ nặng, đặc biệt nào xảy ra, chỉ có một số trường hợp TNLĐ nhẹ trên tàu, đã được khắc phục.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Chính sách lương thưởng thu nhập

Thu nhập bình quân toàn Công ty qua các năm



STT	KHỐI – ĐƠN VỊ	Năm 2014		Năm 2015		% so với 2014
		LĐ bình quân	Bình quân thu nhập (đ/tháng)	LĐ bình quân	Bình quân thu nhập (đ/tháng)	
A	Toàn Công ty	1.115	14.777.298	1.068	14.115.545	95.52
1	Công nhân trực tiếp	945	14.611.248	933	13.977.863	95.67
2	CNV phục vụ	29	8.425.897	20	6.980.563	82.85
3	Nhân viên gián tiếp	141	17.196.504	115	16.472.584	95.79
B	Sản xuất chính/ Vận tải	403	20.294.482	323	19.682.278	96.98
5	Công nhân trực tiếp	269	22.005.367	224	21.175.369	96.23
6	CNV phục vụ	18	8.611.255	11	7.320.004	85.01
7	Nhân viên gián tiếp	116	18.858.303	88	17.426.965	92.41
C	Sản xuất khác	712	11.654.199	745	11.701.918	100.41
Trong đó :						
8	- HĐ thời vụ	5	4.605.199	7	3.756.001	81.56
9	- Thuyền viên đi thuê	224	31.493.638	267	28.642.148	90.95
10	- Thuyền viên dự trữ	417	1.594.508	421	1.425.302	89.39

Năm 2015, tiền lương và phụ cấp bình quân CBNV, SQTV toàn Công ty giảm 8,64% so năm 2014, đây là sự cố gắng rất lớn của Công ty, trong điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty gặp nhiều khó khăn, thách thức. Trong đó: Khối sản xuất chính (vận tải biển Công ty) giảm 3,02%, khối sản xuất khác tương đương năm 2014.

Phân chia tiền lương, công lao động ngoài chức trách thuyền viên thực hiện đúng quy định và Quy chế trả lương của Công ty. Thực hiện trả lương qua tài khoản cá nhân có tác dụng tốt đối với SQTV làm việc trên tàu.

Mặc dù, do khó khăn về tài chính, thu không đủ bù chi, nợ các nhà cung cấp nhiều, ưu tiên nguồn tiền thu cước cho hoạt động đội tàu Công ty, nhưng Công ty đã cố gắng trả lương đúng hạn hàng tháng cho CBNV, SQTV, cũng như tiền lương tiêu vật trên tàu cho thuyền viên tại các cảng nước ngoài, không còn tình trạng trả chậm như các năm trước đây. Tiền công lao động ngoài chức trách của thuyền viên còn tiếp tục nợ, nhưng đến cuối năm Công ty đã thanh toán một phần đáng kể cho SQTV tạo sự phấn khởi và niềm tin trong đội ngũ SQTV.

Trong năm 2015, việc thực hiện thời hạn chi trả lương được bảo đảm theo quy định MLC 2006 đối với thuyền viên làm việc trên các tàu Công ty.

Tiền thưởng: Thực hiện việc khen thưởng đúng quy chế của Công ty. Tuy nhiên, do Quỹ khen thưởng còn hạn chế, nên mức chi thưởng hoạt động phong trào các danh hiệu thi đua còn thấp, chưa thật sự khuyến khích được sự đóng góp của tập thể và cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua lao động, sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phúc lợi: Hoạt động phục vụ cho phúc lợi công cộng tại Công ty năm 2015 đúng theo quy chế, chủ yếu cho hoạt động tham quan, du lịch CBNV, SQTV hàng năm do Công đoàn Công ty đứng ra tổ chức, đạt được kết quả tích cực. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các hoạt động thăm hỏi, tặng quà cho một số đối tượng chính sách Công ty (Bà mẹ Việt Nam anh hùng do Công ty phụng dưỡng, cán bộ lãnh đạo, quản lý nghỉ hưu của Công ty và của Bộ GTVT, Tổng Công ty hàng hải Việt Nam) vào dịp Tết Nguyên đán.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

- Dự án Kho bãi Nhơn Bình: đã ký hợp đồng chuyển nhượng ngày 30/12/2015. Dự kiến sẽ bàn giao cho người mua vào tháng 04/2016.
- Đang trình xin Vinalines cho phép chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty tại Vũng Tàu, tại Quy Nhơn và giải thể Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam do hoạt động không hiệu quả.

Ngoài ra, do tình hình tài chính của Công ty thời gian qua vô cùng khó khăn, hơn nữa các dự báo về thị trường vận tải biển không có dấu hiệu tích cực nên việc đầu tư các dự án lớn như mua sắm tàu, bất động sản, v.v... không được lập kế hoạch trong năm 2015.

Các chỉ tiêu tài chính Công ty con, Công ty liên kết:

Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR)		CTCP Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)	
		2014	2015	2014	2015
Doanh thu	Tỷ đồng	14,3	10,8	308,7	78,7
LNTT	Triệu đồng	17,1	256,5	1.804	(336,7)

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Là đơn vị kinh doanh vận tải biển nên chi phí nhiên liệu luôn chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành vận tải (chiếm từ 33% đến 40%). Do đó, tiết kiệm tiêu hao nhiên liệu luôn là sự quan tâm hàng đầu trong công tác điều hành SXKD của Công ty.

Các biện pháp tiết kiệm chi phí tiêu hao nhiên liệu Công ty chủ yếu là:

- ♦ Xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý năng lượng hiệu quả: Ship Energy Efficiency Management Plan (SEEMP) theo yêu cầu của tổ chức hàng hải quốc tế (IMO) một cách có hiệu quả cho đội tàu từ ngày 01/01/2013.
- ♦ Theo dõi thường xuyên và điều hành các tàu sử dụng công suất phương tiện, tốc độ chạy tàu kinh tế.
- ♦ Chủ động chọn điểm mua nhiên liệu có giá tốt nhất trong hành trình chạy tàu.
- ♦ Bảo quản bảo dưỡng máy móc thường xuyên nhằm đảm bảo mức tiêu thụ nhiên liệu tiết kiệm nhất.
- ♦ Ban hành và quản lý hệ thống định mức tiêu hao nhiên liệu một cách chặt chẽ.

Quản lý nguồn nhiên liệu sử dụng

Loại nhiên liệu	Mức sử dụng	Giá nhiên liệu (triệu đồng)
Dầu FO	22.430 tấn	202.147,23
Dầu diesel	2.483 tấn	45.288,18
Xăng	4.200 lít	77,70

Giải pháp tiết kiệm nhiên liệu	Loại nhiên liệu	Mục đích của giải pháp	Kết quả
Điều hành hoạt động máy chính và máy đèn theo tốc độ kinh tế	FO	Tiết kiệm 3,5% tiêu hao nhiên liệu	Mức TKNL: 785,05 tấn tương ứng 3,5% Tiết kiệm chi phí: 7.075,15 triệu đồng
Điều hành hoạt động máy chính và máy đèn theo tốc độ kinh tế	DO	Tiết kiệm 4% tiêu hao nhiên liệu	Mức TKNL: 99,32 tấn tương ứng 4% Tiết kiệm chi phí: 1.811,53 triệu đồng

Tiêu thụ năng lượng:

Điện năng mua ngoài	Công suất tiêu thụ 310.000 kW	1.000.000 kWh/năm
Giá điện mua	600,78 triệu đồng	1.938 đồng/kW

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Các chỉ tiêu môi trường

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Khối lượng
1	Chất thải rắn sinh hoạt	kg/tháng	206
2	Chất thải rắn sản xuất		1.200
3	Nước thải sinh hoạt	m ³ /tháng	2.230
4	Nước thải sản xuất		95

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Phương pháp xử lý
1	Cặn dầu	lỏng và bùn	302.930	-Thuê xử lý: 151.800 (kg/năm) chuyển lên các cơ sở có chức năng xử lý. -Tự xử lý: 151.130 (kg/năm) đốt tại tàu bằng thiết bị được phê duyệt.

- ♦ Hồ sơ pháp lý về thực hiện Luật bảo vệ môi trường

STT	Loại hồ sơ	Tên dự án	Số quyết định phê duyệt	Ngày phê duyệt	Ghi chú
1	Giấy phép xả nước thải vào nguồn	Tàu Vien Dong 3	923/15TB-SPP	12/10/2015	"Giấy chứng nhận phù hợp ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải" – Do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp.
		Tàu Vien Dong 5	08475/15SG-SPP	05/11/2015	
		Tàu VTC ACE	346/12TB-SPP	19/04/2012	
		Tàu VTC DRAGON	827/15TB-SPP	17/09/2015	
		Tàu VTC GLOBE	03908/15HP-SPP	21/12/2015	
		Tàu VTC GLORY	787/15BT-SPP	07/09/2015	
		Tàu VTC OCEAN	07381/15SG-SPP	19/10/2015	
		Tàu VTC PHOENIX	669/15TB-SPP	31/07/2015	
		Tàu VTC PLANET	08906/15SG-SPP	18/11/2015	
Tàu VTC SUN	465/12TB-SPP	04/06/2012			

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn chấp hành và thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, do đó Công ty không bị xử phạt trong các vấn đề liên quan đến môi trường.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ◆ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- ◆ Tình hình tài chính
- ◆ Kế hoạch phát triển trong tương lai
- ◆ Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

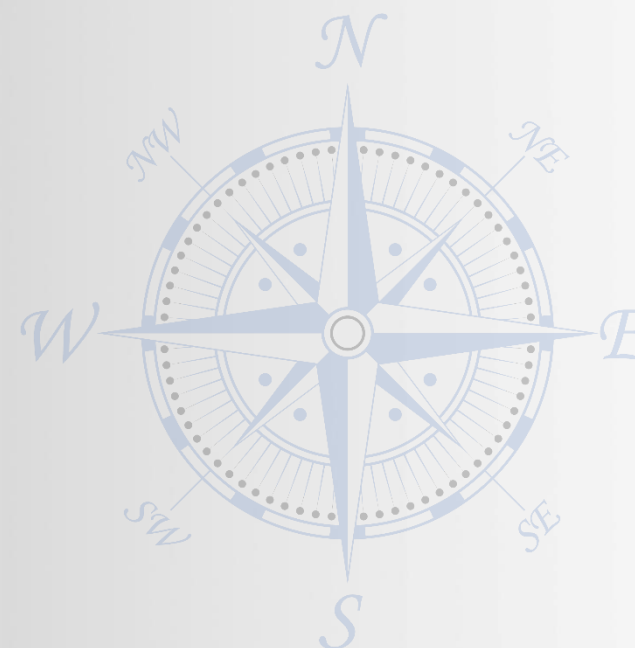
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình thị trường

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI

Năm 2015 khép lại đầy bất ổn với sự hoành hành của Nhà nước Hồi giáo tự xưng IS, xung đột tại các điểm nóng trên thế giới, đối đầu Nga – Phương Tây, khủng hoảng người di cư đến Châu Âu, hàng loạt thảm họa thiên nhiên, thảm họa công nghiệp, hoạt động phi pháp của Trung Quốc tại khu vực Biển Đông, v.v... Triển vọng kinh tế khu vực Châu Âu không quá lạc quan. Thương mại toàn cầu sụt giảm do tổng cầu yếu. Theo đó, kinh tế thế giới năm 2015 vẫn tiếp tục khó khăn và biến động chứ không như kỳ vọng hồi đầu năm. IMF đã liên tục hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Cùng với những bất ổn trên toàn thế giới chính là cuộc chiến giá dầu thô giữa các cường quốc xuất khẩu dầu mỏ và các công ty dầu đá phiến của Mỹ, điều này đã gây ra sự sụt giảm không phanh của giá dầu thô đã và đang xảy ra từ giữa năm 2014.



THỊ TRƯỜNG VẬN TẢI HÀNG RÒI

Trong năm 2015, giá dầu thô đã giảm đến 46% (bình quân khoảng 52 USD/ thùng) và tăng trưởng đội tàu chỉ ở mức 2,5%, giảm 50% so với năm 2014 nhưng thị trường vận tải biển vẫn diễn biến theo chiều hướng xấu chủ yếu do sụt giảm mạnh và liên tục của mặt hàng than và thép nhập khẩu của Trung Quốc.

Thị trường hàng khô rời năm 2015 nhuộm đầy gam màu đen tối và BDI (chỉ số thuê tàu hàng khô) sụt giảm nghiêm trọng, tính đến ngày 16/12/2015 thì BDI chỉ còn 471 điểm, thấp nhất trong 30 năm qua. BDI và BHSI bình quân 2015 là 718 và 367 điểm, lần lượt giảm 35% và 30% so với 2014.

Trước diễn biến xấu của thị trường, kinh doanh vận tải của đội tàu công ty chắc chắn không tránh khỏi bị ảnh hưởng. Cước giảm sâu trên các tuyến nhất là Nam Mỹ - Tây Phi; hàng hóa khan hiếm, một số tàu bị ảnh hưởng bởi yếu tố thời tiết, yếu tố kinh doanh của người thuê, hư hỏng hàng hóa, v.v... làm kéo dài thời gian chờ đợi. Ngoài ra một số tàu đã trên 20 tuổi, tình trạng kỹ thuật không còn tốt do tuổi tàu cao và do một thời gian dài công ty tiết kiệm chi phí sửa chữa, chi phí đầu tư cho phụ tùng, vật tư v.v... nên kém khả năng cạnh tranh.

Ngoài ra, sự áp đảo của các Doanh nghiệp vận tải biển nước ngoài cũng là một khó khăn nhất định. Nhìn chung các hãng tàu nước ngoài đến Việt Nam đều là những tập đoàn lớn, đa quốc gia, hoạt động có chiều sâu, có bề dày về kinh nghiệm, uy tín thương hiệu cũng như tiềm lực lớn về cơ sở vật chất và năng lực tài chính. Do đó, các Doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam rất khó cạnh tranh và thường phải nằm ở thế yếu.



Kinh doanh vận tải biển

TỔNG HỢP TOÀN CÔNG TY

Đơn vị: triệu đồng

Kết quả hoạt động SXKD	ĐVT	KH 2015	TH 2015	TH 2014	% so với KH	% so với TH
SL vận chuyển	Tấn	1.973.034	1.740.638	1.686.637	88,22%	103,20%
SL luân chuyển	Tỷ TKm	8,22	9,61	11,66	116,91%	82,42%
I. Doanh thu các hoạt động	Tỷ VNĐ	1.079,00	887,96	1.447,20	82,29%	61,36%
Trong đó:						
+ Kinh doanh vận tải	Tỷ VNĐ	788,45	685,00	1.072,60	86,88%	63,86%
+ Kinh doanh các dịch vụ khác	Tỷ VNĐ	290,54	202,96	374,60	69,86%	54,18%
II. Lãi (+)/Lỗ (-)	Tỷ VNĐ	(109,04)	(193,85)	(314,26)	-	-

Tổng doanh thu toàn công ty thực hiện gần 888 tỷ đồng, chỉ đạt 82% kế hoạch và giảm 39% (559,2 tỷ đồng) so với cùng kỳ 2014. Mặc dù kinh doanh trong điều kiện hết sức khó khăn nhưng Công ty vẫn cố gắng giữ cho đội tàu hoạt động an toàn, duy trì sản xuất chính, sản xuất phụ, đảm bảo việc làm cho người lao động.

*Kết quả kinh doanh cả năm toàn công ty lỗ 193,9 tỷ đồng (bao gồm cả khoản lãi bán tàu VTC Sky và lợi nhuận khác từ xử lý nợ của tàu VTC Tiger và VTC Ace).

NĂNG LỰC VẬN TẢI

Tính đến cuối tháng 12/2015, đội tàu Công ty kinh doanh còn 10 chiếc, tổng trọng tải 199.275 Dwt (trong đó có 2 tàu trọng tải 6.500 Dwt, 8 tàu còn lại từ 22.000 - 28.000 Dwt), trọng tải bình quân (tính theo ngày vận doanh) 220.552 Dwt, giảm gần 10% so với cùng kỳ 2014 (tàu VTC.Sky bàn giao cho người mua vào ngày 30/01/2015; thực hiện chuyển nhượng tàu VTC Tiger cho Maritime Bank vào ngày 14/10/2015 và tàu VTC Ace vào ngày 09/11/2015 (bàn giao trên giấy tờ, vẫn chưa bàn giao thực tế, Công ty vẫn hạch toán doanh thu và chi phí đến hết tháng 12/2015).

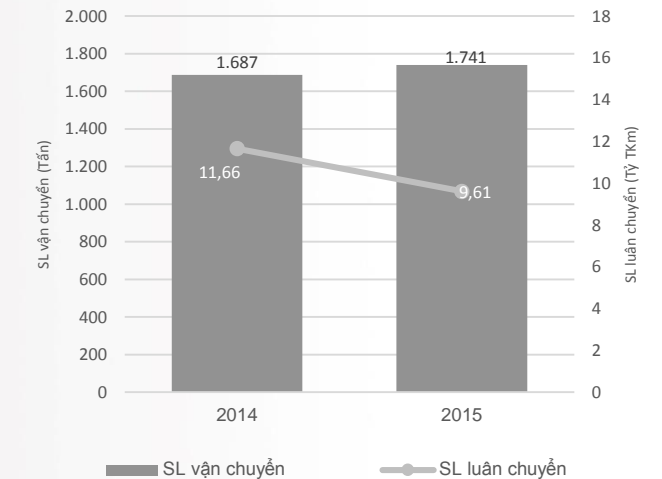
BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

SẢN LƯỢNG

Sản lượng vận chuyển thực hiện 1,74 triệu tấn, chỉ đạt 88% kế hoạch nhưng tăng 16% (54 nghìn tấn) so với cùng kỳ 2014 chủ yếu do sản lượng cho thuê định hạn chạy tuyến ngắn (Cầm Phả/ Vĩnh Tân, Vũng Áng) tăng mạnh.

Sản lượng luân chuyển thực hiện 9,63 tỷ TKm, vượt 17% kế hoạch nhưng giảm 11% so với cùng kỳ 2014 do giảm các tuyến xa.

- ♦ Khu vực Đông Nam Á chiếm 64%, tăng 13% so với cùng kỳ 2014.
- ♦ Nam Mỹ/Tây phi chiếm 10%, giảm 3% so với cùng kỳ.
- ♦ Nam Mỹ/Đông Nam Á chiếm 6%, giảm 8% so với cùng kỳ.
- ♦ Đông Nam Á/Tây phi chiếm 6%, giảm 5% so với cùng kỳ
- ♦ Các tuyến khác: 14%



NĂNG LỰC VẬN TẢI

Doanh thu vận tải biển thực hiện gần 685 tỷ đồng, chỉ đạt 87% kế hoạch (giảm 103,4 tỷ đồng) và giảm 30% (387,6 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước. Ngoài nguyên nhân do năng lực vận tải giảm (bán VTC Sky từ tháng 01/2015 và giao VTC Tiger cho Maritime Bank từ tháng 10/2015) thì nguyên nhân chủ yếu vẫn đến từ thị trường suy giảm sâu, nguồn hàng khan hiếm, một số tàu công ty không kiếm được hàng phải nằm chờ phi sản xuất, cước cho thuê định hạn lần cước tự khai thác đều sụt giảm (cước chờ đường trên tuyến Nam Mỹ/ Tây phi giảm 12%, cước chờ nông sản trên tuyến Nam Mỹ/Đông Nam Á giảm 22%, cước chờ gạo Đông Nam Á/ Tây phi giảm 25%, cước chờ phân xá trên tuyến Đông Bắc Á/ Đông Nam Á giảm 12%, cước chờ nông sản trong khu vực Đông Nam Á giảm 6%).

Doanh thu các dịch vụ kinh doanh khác thực hiện gần 203 tỷ đồng, thấp hơn kế hoạch 30% và giảm 46% so với cùng kỳ. Chủ yếu do Vitranschart đã thoái vốn (từ 56,67% xuống còn 26,46%) khỏi công ty Pdimex JSC vào cuối tháng 5 nên kể từ tháng 6/2015, doanh thu của Công ty này không tính vào doanh thu các hoạt động khác.

NGUYÊN NHÂN KHÔNG ĐẠT ĐƯỢC KẾ HOẠCH ĐỀ RA

- ♦ Năng lực vận tải giảm.
- ♦ Vùng khai thác bị hạn chế do các yếu tố khách quan như cướp biển, bất ổn chính trị.
- ♦ Thị trường suy giảm sâu, nguồn hàng khan hiếm, một số tàu công ty không kiếm được hàng hải nằm chờ phi sản xuất, cước cho thuê định hạn lần cước tự khai thác đều sụt giảm.
- ♦ Tuổi tàu cao, lỗi thời, cỡ tàu không còn phù hợp với nhu cầu vận chuyển của thị trường hiện nay nên rất khó kiếm tìm hàng hóa phù hợp.
- ♦ Vitranschart đã thoái vốn (từ 56,67% xuống còn 26,46%) khỏi công ty Pdimex JSC vào cuối tháng 5 cũng làm cho doanh thu lẫn sản lượng vận tải sụt giảm so với kế hoạch.

Đầu tư và bán tài sản

Do tình hình tài chính của Công ty thời gian qua vô cùng khó khăn, hơn nữa các dự báo về thị trường vận tải biển không có dấu hiệu tích cực nên việc đầu tư các dự án lớn như mua sắm tàu, bắt động sản, v.v... không được lập kế hoạch trong năm 2015.

Trong năm, Công ty đã thực hiện bán VTC.Sky vào tháng 1 bàn giao 2 tàu VTC Tiger và VTC Ace cho Maritime Bank để cần trừ các khoản nợ đầu tư của chính 2 tàu và một phần nợ vay vốn lưu động, ngoài ra bán thanh lý một số tài sản có giá trị nhỏ. Tất cả các tài sản bán, bàn giao, v.v... đều được thực hiện với giá tốt, có lợi cho Công ty và giải quyết kịp thời một phần khó khăn tài chính cho Công ty.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
1. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	100,04%	110,74%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	-	-
2. Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	87,72%	87,72%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	12,28%	12,28%
3. Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng tài sản			
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,52	0,38
Vòng quay tài sản cố định	Vòng	0,63	0,48

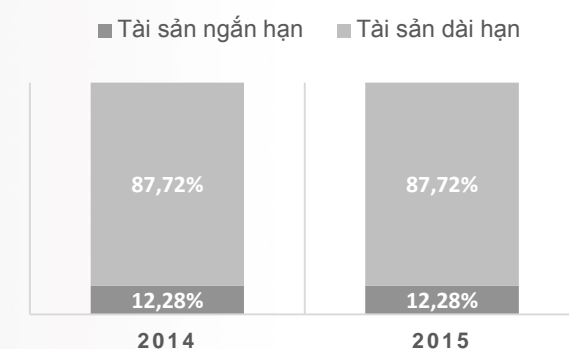
Cơ cấu tài sản

Đặc thù của doanh nghiệp ngành vận tải thì tỷ trọng chủ yếu trong tổng tài sản vẫn là tài sản dài hạn. Trong năm, mặc dù không có sự thay đổi trong tỷ lệ cơ cấu tài sản dài hạn và ngắn hạn nhưng Công ty đã có sự sụt giảm về giá trị. Tổng tài sản năm 2015 duy trì ở mức 1.905 tỷ, so với mức 2.661 tỷ năm 2014. Trong đó, thay đổi chủ yếu vẫn là tài sản dài hạn mà lớn nhất là sự sụt giảm trong tài sản cố định, do Công ty đã thực hiện bán VTC.Sky vào tháng 1 bàn giao 2 tàu VTC Tiger và VTC Ace cho Maritime Bank để cần trừ các khoản nợ đầu tư của chính 2 tàu và một phần nợ vay vốn lưu động.

Cơ cấu nguồn vốn

Trong năm 2015, nợ dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn, chiếm 93,12%, đạt mức 1.742,86 tỷ đồng, giảm 436,57 tỷ, tương ứng giảm 20,03% so với năm 2014. Cơ cấu nợ ngắn hạn không thay đổi nhiều khi vẫn chiếm 17,61% trong tổng nguồn vốn.

CƠ CẤU TÀI SẢN



Cơ cấu nguồn vốn	2014	2015
Nợ ngắn hạn	17,75%	17,61%
Nợ dài hạn	82,30%	93,12%
Vốn CSH	(0,38%)	(10,74%)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0,33%	-

NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH 2016

Tình hình thị trường 2016

Năm 2016 được dự báo là một năm có nhiều bất ổn và đầy thách thức đối với nền kinh tế toàn cầu. Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), hạ dự báo mức tăng trưởng kinh tế thế giới cho năm 2016 xuống khoảng 3%, thấp hơn mức 3,6% mà tổ chức này đưa ra trước đó, động thái này cho thấy chưa có dấu hiệu về sự phục hồi trong năm nay. Ngoài ra OECD cũng cho rằng một số khu vực có khả năng rơi vào giảm phát. Trong khi đó, theo Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), mức tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2016 là 3,4% và mong đợi thế giới có thể sẽ trở lại thời kỳ kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ.

Năm 2016, Kinh tế Eurozone vẫn sẽ đối mặt không ít khó khăn như các nước Hy Lạp, Pháp, v.v... vẫn phục hồi chậm sau khủng hoảng; các vấn đề an ninh, cuộc khủng hoảng di cư tác động khá lớn đến nhiều nền kinh tế Eurozone. Các "điểm nóng" ở Trung Đông, Ukraine, Biển Đông, v.v... nhất là ở Trung Đông và Hy Lạp cũng vẫn là nơi tiềm tàng các rủi ro chính trị cũng như kinh tế. Ngoài ra sự bất ổn còn đến từ cuộc chiến giá dầu trên thị trường dầu mỏ thế giới của các "đại gia" dầu mỏ và các cuộc cấm vận lẫn nhau của các cường quốc, cũng chưa hề có dấu hiệu sẽ hạ nhiệt trong năm 2016.

Thị trường năm 2016 được nhận định sẽ còn tồi tệ hơn năm 2015 và chỉ có thể hồi phục vào năm 2017 hoặc 2020. Cụ thể, trong 2 tháng đầu năm 2016, các chỉ số Baltic liên tiếp ghi nhận mức thấp kỷ lục mới, đến ngày 10/02 chỉ số BDI giảm còn 290 điểm và ngày 12/02 BHSI giảm còn 183 điểm. Giá cước bình quân các phân khúc tàu giảm xuống dưới 3.000USD/ngày. Có thể nói rằng các chủ tàu đang phải đối mặt với tình trạng khó khăn nhất từ trước đến nay. Chỉ số BDI và BHSI bình quân từ đầu năm 2016 đến ngày 22/02 lần lượt đạt 344 điểm và 218 điểm; giảm 289 điểm (45,7%) và 135 điểm (38%) so với cùng kỳ năm 2015. Với tình trạng giá cước thấp hơn chi phí khai thác tàu kéo dài như vậy, sẽ có nhiều hãng tàu phải đối mặt với nguy cơ phá sản nếu không có đủ năng lực tài chính. Mặc dù vậy nhưng tốc độ tăng trưởng đội tàu cũng được dự báo cao hơn so với năm 2015, đạt 2,9% năm 2016 và 2,2% năm 2017.



BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2015	% so với 2015
1. Sản lượng VC	Tấn	1.265.000	1.740.638	72,67%
2. Sản lượng LC	Tỷ TKm	8,55	9,61	88,97%
3. Tổng doanh thu	Tỷ VNĐ	625	888	70,38%
4. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	(263)	(194)	-

Các giải pháp thực hiện

- ◆ Năm 2016, Công ty tiếp tục thực hiện các chính sách về tiết kiệm và tối ưu chi phí nhằm giảm bớt gánh nặng về tài chính cho Công ty.
- ◆ Công ty sẽ cố gắng duy trì sản xuất kinh doanh chính là vận tải biển bằng cách tăng cường các nhóm giải pháp về khai thác, kỹ thuật, tài chính, an toàn an ninh hàng hải; chờ cơ hội thị trường phục hồi thuê tàu khai thác và tích lũy phát triển đội tàu.
- ◆ Linh động giữa các hình thức khai thác kinh doanh tàu để giảm thiểu những rủi ro do hàng hóa khan hiếm, chờ cầu, thiếu vốn lưu động.
- ◆ Tăng cường khai thác trên các tuyến ngắn, chạy trong nước.
- ◆ Tận dụng cơ hội thị trường cước thấp để thuê tàu trần (bare boat) hoạt động, nhằm tăng năng lực vận tải cho đội tàu, tạo việc làm cho SQTV.
- ◆ Thông qua đại lý, các nhà môi giới để cập nhật, đánh giá lại năng lực các cảng mà tàu Công ty có kế hoạch đến làm hàng trước khi ký hợp đồng vận chuyển nhằm tránh tình trạng tàu phải nằm chờ hàng, chờ cầu bến, v.v...; hợp tác chặt chẽ với chủ hàng, đại lý, chính quyền cảng để thu xếp cho tàu làm hàng nhanh, giảm thiểu thời gian chờ đợi.
- ◆ Tiếp tục kiểm soát và chỉ đạo tốc độ chạy tàu, đảm bảo tàu vận hành với tốc độ hợp lý, tận dụng cơ hội giá dầu giảm; giám sát chặt chẽ định mức tiêu thụ nhiên liệu, dầu nhớt, nước ngọt, v.v...
- ◆ Thường xuyên bảo dưỡng, bảo quản tàu; lập kế hoạch mua phụ tùng thay thế phù hợp, đúng thời điểm, không thay quá sớm so với quy định để tránh lãng phí, không sử dụng quá thời gian quy định để tránh rủi ro, sự cố, hư hỏng.
- ◆ Duy trì hoạt động an toàn, liên tục cho đội tàu, đảm bảo an toàn tối đa cho con người, phương tiện và hàng hóa, tránh bị bắt giữ hoặc bị từ chối cung cấp nhiên liệu, vật tư, dịch vụ do nợ nhiều và quá hạn.
- ◆ Khẩn trương ứng phó và khắc phục các khuyến cáo PSC, tuân thủ MLC-2006, ISM Code, ISPS tránh bị PSC bắt lỗi và đưa vào danh sách đen gây ảnh hưởng đến hoạt động của tàu và uy tín của Công ty trên thị trường vận tải biển quốc tế.
- ◆ Quản lý chặt chẽ định mức chi phí, kiểm soát thu chi hợp lý và kịp thời, vận dụng chính sách tài chính kế toán phù hợp từng hoàn cảnh.
- ◆ Tiếp tục triển khai các phương án xử lý nợ vay theo hướng có lợi cho Công ty tại từng ngân hàng.
- ◆ Duy trì và phát triển hoạt động cho thuê thuyền viên, đây là hoạt động kinh doanh Công ty có lợi thế.

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Tình hình chung kinh tế thế giới

Kinh tế thế giới năm 2015 vẫn tiếp tục khó khăn và bất ổn không như kỳ vọng hồi đầu năm. IMF đã liên tục hạ mức dự báo về tăng trưởng kinh tế toàn cầu từ 3,8% (cuối năm 2014) xuống 3,5% (vào tháng 01/2015), rồi 3,3% (vào tháng 07/2015) và chỉ còn 3,1% (vào tháng 10/2015) tốc độ tăng thấp nhất kể từ cuộc suy thoái năm 2009.

Giá dầu thô thế giới năm 2015 đã giảm đến 46% (bình quân khoảng 52 USD/thùng) và tăng trưởng đội tàu chỉ ở mức 2,5%, giảm 50% so với năm 2014 nhưng thị trường vận tải biển chẳng những không cải thiện mà còn diễn biến theo chiều hướng ngày một xấu đi chủ yếu do sự suy giảm liên tục trong nhập khẩu than của Trung Quốc.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc chậm lại (chỉ đạt 6,9%) và kinh tế toàn cầu nói chung vẫn trì trệ (ước đạt 3,1%); tăng trưởng thương mại thế giới giảm mạnh từ mức 3,1% năm 2014; 2,1% năm 2013 và 2% năm 2012 xuống còn 1% - thậm chí còn thấp hơn cả tốc độ tăng trưởng giai đoạn suy thoái đầu những năm 1990; kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc giảm 13% và xuất khẩu giảm 2%; nhập khẩu than nhiệt và quặng sắt của Trung Quốc sụt giảm mạnh và liên tục xuống mức thấp nhất trong nhiều năm qua do các chính sách môi trường nghiêm ngặt và sức tiêu thụ thép giảm.

Tình hình chung ngành vận tải biển

Chịu tác động mạnh mẽ từ kinh tế toàn cầu, thị trường hàng khô rời năm 2015 đang trong thời kỳ đen tối và liên tục sụt giảm mà chưa có hồi kết. Giá tàu đã qua sử dụng rơi xuống mức thấp nhất trong vòng 15 năm.

BDI ngày càng sụt giảm nghiêm trọng, ngày 16/12/2015, BDI chỉ còn 471 điểm, thấp nhất trong 30 năm qua. Bình quân Quý IV, BDI ở mức 640 điểm và BHSI ở mức 322 điểm, lần lượt giảm 34% và 25% so với Quý III. Bình quân năm 2015, BDI ở mức 718 điểm và BHSI ở mức 367 điểm, lần lượt giảm 35% và 30% so với cùng kỳ 2014. Toàn bộ chỉ số cước của 4 phân khúc tàu đều đã chạm mức thấp nhất trong lịch sử 30 năm qua.

Trước cơn bão thị trường vận tải biển thế giới, cước nội địa năm 2015 cũng đã rơi xuống mức đáy, song doanh nghiệp vẫn cố gắng chạy được do giá nhiên liệu giảm và cắt tối đa chi phí. Nhu cầu của khách hàng rất thấp trong khi giá cước xuống không thể thấp hơn khiến nhiều doanh nghiệp đã phải áp dụng giải pháp cuối cùng là dừng tàu để giảm bớt lỗ.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ◆ Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
- ◆ Đánh giá về hoạt động của BTGD
- ◆ Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh 2015

Năm 2015, tình hình chung của Công ty vẫn chưa thoát khỏi khó khăn trong khai thác vận tải biển. Hiện tại, một số tàu đã trên 20 tuổi, tình trạng kỹ thuật không còn tốt do tuổi tàu cao và do một thời gian dài trước đây công ty tiết kiệm chi phí sửa chữa đầu tư, nên chi phí phát sinh liên tục tăng. Việc thanh toán chậm, không đúng theo thỏa thuận cho các nhà cung cấp đã khiến Công ty bị hạn chế trong việc lựa chọn nhà cung cấp, thời gian đàm phán kéo dài, ảnh hưởng đến thời gian quay vòng của tàu và công tác bảo dưỡng tàu. Biến động tỷ giá và chi phí lãi vay cao cũng đã ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Các ngân hàng siết chặt việc cho các doanh nghiệp vận tải vay vốn lưu động do lo ngại về khả năng thanh toán nên buộc các doanh nghiệp phải tăng tỷ lệ ký các hợp đồng thuê tàu định hạn để giảm gánh nặng về vốn lưu động.

Năm 2015, Công ty phải đối mặt với những khó khăn, thách thức xuất phát từ nội tại doanh nghiệp cũng như sự suy giảm của thị trường. Công ty chịu sức ép lớn từ việc thanh toán nợ, tìm kiếm nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất, đồng thời phải tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, việc làm cho người lao động trong điều kiện thị trường vận tải biển chưa có dấu hiệu phục hồi, cạnh tranh gay gắt, chi phí đầu vào tăng cao. Ngoài ra, một bộ phận còn quan liêu, chưa nâng cao kiến thức chuyên môn để đáp ứng kịp thời với cơ chế thị trường và yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Tuy nhiên, với sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, các Bộ ngành và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nên Công ty đã nỗ lực giải quyết những tồn đọng, khó khăn, tăng cường sự phối hợp nội bộ, phân đấu duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015 cụ thể như sau:



Đơn vị: Triệu đồng

Kết quả hoạt động SXKD	2014	2015
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	1.418.962	872.706
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	(88.582)	(119.057)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(313.686)	(307.410)
Lợi nhuận khác	(573)	113.555
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(314.259)	(193.855)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(235.770)	(194.024)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	549	(177)
Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)	(235.770)	(194.024)

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	2014	2015
Tài sản ngắn hạn	326.587	233.873
Tài sản dài hạn	2.333.984	1.671.224
Tổng tài sản	2.660.571	1.905.098
Nguồn vốn	2014	2015
Nợ phải trả	2.661.748	2.109.660
<i>Nợ ngắn hạn</i>	482.319	366.802
<i>Nợ dài hạn</i>	2.179.430	1.742.858
Vốn chủ sở hữu	-1.177	-204.562
Lợi ích cổ đông thiểu số	8.850	0
Tổng nguồn vốn	2.660.571	1.905.098

Tình hình thực hiện kế hoạch

Chỉ tiêu	Đvt	KH 2015	TH 2015	% so với KH
Sản lượng VC	Tấn	1.973,03	1.740,63	88,22%
Sản lượng LC	Tỷ TKm	8,22	9,61	116,91%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ VNĐ	1.079,00	887,96	82,29%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	(109,44)	(193,85)	-



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2015, trong khi tình hình khó khăn của nền kinh tế nói chung và ngành kinh doanh vận tải biển nói riêng, Ban Tổng Giám đốc CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam đã giữ vững trách nhiệm và thể hiện được năng lực tốt, cũng như triển khai các giải pháp kịp thời, linh hoạt giúp Công ty duy trì hoạt động SXKD, đảm bảo an toàn cho đội tàu và công ăn việc làm cho người lao động, và phần đầu thực hiện kế hoạch đã đề ra. Hội đồng Quản trị ghi nhận Ban Tổng Giám đốc đã có sự chuẩn bị cũng như kế hoạch để ứng phó trước những biến động khó lường trên thị trường nói chung và ngành vận tải biển nói riêng.

Ban Tổng Giám đốc cũng đã nắm bắt kịp thời những thay đổi về kinh tế vĩ mô, hay những chuyển dịch và cạnh tranh trong ngành, để kịp thời đưa ra những quyết sách, tạo động lực cho tập thể cán bộ nhân viên Công ty cùng chung sức, đoàn kết, đồng lòng đưa Công ty vượt qua mọi khó khăn.

So với nhiều doanh nghiệp cùng ngành có nguy cơ ngừng hoạt động hoặc phải hoạt động cầm chừng, thu hẹp quy mô hay thậm chí đóng cửa, Công ty Cổ phần Vận Tải Và Thuê Tàu Biển Việt Nam vẫn duy trì hoạt động ổn định. Đây là một thành công của Công ty trong năm qua, trong đó có sự đóng góp của Ban Tổng Giám đốc là rất đáng ghi nhận.



Báo cáo thường niên 2015 |

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- ♦ Tập trung mọi nguồn lực để vượt qua khủng hoảng, duy trì sự tồn tại và phát triển khi có cơ hội;
- ♦ Thanh lý tài sản, đầu tư hợp lý nhằm đảm bảo vận hành đội tàu bình thường, cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên có việc làm và thu nhập ổn định;
- ♦ Thu hẹp các ngành kinh doanh thua lỗ nặng;
- ♦ Thu hẹp bộ máy gọn nhẹ theo lộ trình phù hợp;
- ♦ Nghiên cứu khai thác hình thức kinh doanh mới, tuyển mới và khách hàng mới nhằm tăng hiệu quả kinh doanh;
- ♦ Đàm phán để có sự hỗ trợ về thanh khoản của Ngân hàng và nhà cung cấp hợp lý;
- ♦ Phát huy tối đa sự hỗ trợ của Nhà nước về chính sách và vốn.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2015	KH 2016/ TH 2015
Sản lượng VC	Tấn	1.265.000	1.740.638	72,67%
Sản lượng LC	Tỷ TKm	8,55	9,61	88,97%
Tổng doanh thu	Tỷ VNĐ	625	888	70,38%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	(263)	(194)	-

Kế hoạch đầu tư:

- ♦ Ngoài dự án đầu tư hệ thống phần mềm quản lý đội tàu, hệ điều hành server dự kiến khoảng 3,5 tỷ thì Công ty không lập kế hoạch đầu tư lớn nào do vẫn còn khó khăn về tài chính.
- ♦ Kế hoạch bán tàu năm 2016: Dự kiến bán 03 tàu Viễn Đông 3, Viễn Đông 5 và VTC Planet với điều kiện đạt được những thỏa thuận với các Ngân hàng về phương án bán tàu.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ◆ Tiếp tục kiểm soát và chỉ đạo tốc độ chạy tàu, đảm bảo tàu vận hành với tốc độ hợp lý, tận dụng cơ hội giá dầu giảm;
- ◆ Tối ưu hóa việc khai thác, sử dụng đội tàu hiện có;
- ◆ Quản lý chặt chẽ định mức chi phí, kiểm soát thu chi hợp lý và kịp thời, vận dụng chính sách tài chính kế toán phù hợp từng hoàn cảnh;
- ◆ Tối ưu hóa việc phát triển đội tàu và hoạch định kế hoạch kinh doanh trong tương lai.

Năm qua là một năm đầy khó khăn và thử thách đối với CTCP Vận Tải Và Thuê Tàu Biển Việt Nam cũng như tập thể CBCNV. Toàn Công ty đã nỗ lực hết sức mình để cố gắng duy trì sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Năm 2016, Công ty sẽ cố gắng duy trì sản xuất kinh doanh chính là vận tải biển bằng cách tăng cường các nhóm giải pháp về khai thác, kỹ thuật, tài chính, an toàn an ninh hàng hải; chờ cơ hội thị trường phục hồi thuê tàu khai thác và tích lũy phát triển đội tàu. Mặc dù Công ty đã tận dụng mọi lợi thế kinh doanh để tăng doanh thu, triển khai hàng loạt các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí, nhưng kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 chưa đạt được như kỳ vọng.

Mặt khác, song song với những tồn đọng và khó khăn duy trì từ nhiều năm qua do khủng hoảng kinh tế kéo dài, thị trường vận tải biển hàng khô qua 3 tháng đầu năm 2016 lại cho thấy tín hiệu xấu khi các chỉ số liên tục đi xuống nhất là chỉ số BHSI là chỉ số tác động trực tiếp đến kinh doanh đội tàu handysize của công ty vốn không được phục hồi mạnh mẽ như các size tàu lớn vào nửa cuối năm 2015 thì nay lại có xu hướng giảm. Do vậy, trong năm 2016 công ty phải tiếp tục sẵn sàng ứng phó và quyết tâm cao độ để vượt qua thách thức mới, cố gắng thực hiện mục tiêu tồn tại, chờ cơ hội phát triển khi thị trường vận tải biển phục hồi.





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ◆ Hội đồng quản trị
- ◆ Ban kiểm soát
- ◆ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BTGD
- ◆ Thông tin cổ phần và cổ đông

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị



Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Hồng Vũ

Sinh năm: 1957

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác vận tải biển, Thạc sĩ kinh tế vận tải biển, Cao cấp lý luận chính trị

Tỷ lệ sở hữu của cá nhân: 0,077%

BÁO CÁO QUẢN TRỊ



Thành viên HĐQT
Huỳnh Nam Anh

Sinh năm: 1966

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ khoa học ngành quản lý vận tải biển, Cao cấp lý luận chính trị

Tỷ lệ sở hữu của cá nhân: 0,16%



Phó Chủ tịch HĐQT
Trương Đình Sơn

Sinh năm: 1955

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư cơ khí động lực, Cao cấp lý luận chính trị

Tỷ lệ sở hữu của cá nhân: 5,04%



Thành viên HĐQT
Phạm Thị Cẩm Hà

Sinh năm: 1965

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Tỷ lệ sở hữu của cá nhân: 0,20%



Thành viên HĐQT
Bùi Mạnh Cường

Sinh năm: 1960

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điều khiển tàu biển, chuyên gia chuyên ngành xuất khẩu lao động, kỹ sư kinh tế & quản lý, giảng viên huấn luyện hàng hải.

Tỷ lệ sở hữu của cá nhân: 0%



Thành viên HĐQT
Nguyễn Minh Cường

Sinh năm: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý

Tỷ lệ sở hữu của cá nhân: 0%
Chức danh tại Công ty khác: Chủ tịch HĐQT - Đại diện pháp luật tại Công ty Cổ Phần QLQ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị

Ông Bùi Mạnh Cường làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam kể từ ngày 01/09/2015.

Các thành viên độc lập

Trong Hội đồng Quản trị, thành viên Nguyễn Minh Cường là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phối hợp với các thành viên khác trong các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong việc định hướng và đề ra các chiến lược giúp công ty duy trì hoạt động ổn định, phát triển bền vững.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 cuộc họp

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Ông Huỳnh Hồng Vũ	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Ông Trương Đình Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
3	Ông Huỳnh Nam Anh	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	4/4	100%	
4	Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Thành viên HĐQT kiêm TGD	4/4	100%	
5	Ông Nguyễn Minh Cường	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
6	Ông Bùi Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	1/1	100%	Bổ nhiệm từ 01/09/2015

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc

HĐQT thường xuyên theo dõi các hoạt động của BTGD và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với BKS Công ty kiểm tra các vấn đề:

- ♦ Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ và HĐQT đề ra.
- ♦ Các nội dung thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT và các quyết định HĐQT đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện.
- ♦ HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời BTGD đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.
- ♦ Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 27 nghị quyết và quyết định liên quan đến tất cả các hoạt động công tác tổ chức, nhân sự, sản xuất kinh doanh, đầu tư, v.v... Các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
01		01/QĐ-HĐQT	29/01/2015	V/v Thành lập Ban Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2015
02		02/QĐ-HĐQT	01/04/2015	V/v Nâng ngạch và xếp lương cho cán bộ thuộc Công ty năm 2014
03	03/NQ-HĐQT		01/04/2015	V/v Phiên họp HĐQT ngày 30 tháng 3 năm 2015
04		04/QĐ-HĐQT	02/04/2015	V/v Miễn nhiệm chức vụ cán bộ

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

05	05/NQ-HĐQT		23/04/2015	V/v Chủ trương hợp tác đầu tư dự án tại Khu II-Số 428 Nguyễn Tất Thành, P18, Q4, TP. HCM của Công ty Vitranschart với Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster
06		06/QĐ-HĐQT	23/04/2015	V/v Thông qua phương án thoái vốn của CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam đầu tư tại CTCP Cung ứng Dịch vụ Hàng Hải và xuất nhập khẩu Phương Đông
07	07/NQ-HĐQT		24/04/2015	V/v ĐHCĐ thường niên năm 2015 của PDIMEX JSC
08		08/QĐ-HĐQT	20/05/2015	V/v Bổ nhiệm cán bộ - Ông Đặng Hiểu giữ chức Phó Tổng giám đốc Cty
09	09/NQ-HĐQT		20/05/2015	V/v Phê duyệt ngừng thực hiện vĩnh viễn Dự án "Đầu tư mua và đóng hoàn thiện tàu hàng rời trọng tải 56.200 DWT, ký hiệu F56-NT02"
10		10/QĐ-HĐQT	18/06/2015	V/v Tạm ngừng kinh doanh tại chi nhánh Công ty tại Vũng Tàu
11		11/QĐ-HĐQT	23/06/2015	V/v Cử người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Cung ứng dịch vụ hàng hải và xuất nhập khẩu Phương Đông
12		12/QĐ-HĐQT	24/06/2015	V/v Cử người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH hai thành viên Lancaster Tân Thuận
13	13/NQ-HĐQT		10/07/2015	V/v Phương án hợp tác đầu tư dự án tại Khu II-Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. HCM của Công ty Vitranschart JSC với Công ty TNHH Trung Thủy Lancaster
14		14/QĐ-HĐQT	23/07/2015	V/v Cử người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận
15	15/NQ-HĐQT		27/08/2015	V/v Phiên họp ngày 27 tháng 8 năm 2015
16		16/QĐ-HĐQT	28/08/2015	V/v Bổ nhiệm cán bộ - Bà Phạm Thị Cẩm Hà giữ chức Tổng giám đốc Cty
17	17/NQ-HĐQT		03/09/2015	V/v Phê duyệt chủ trương bán/chuyển nhượng Dự án kho bãi Nhơn Bình - Quy Nhơn
18		18/QĐ-HĐQT	08/09/2015	V/v Thay đổi người đại diện pháp luật của công ty
19	19/NQ-HĐQT		29/09/2015	V/v Phê duyệt quyết toán chi phí Dự án "Đầu tư mua và đóng hoàn thiện tàu hàng rời trọng tải 56.200DWT, ký hiệu F56-NT02"-Dự án ngừng thực hiện vĩnh viễn
20	20/NQ-HĐQT		13/10/2015	V/v Phê duyệt chủ trương xử lý nợ và tài sản bảo đảm tại MSB bằng việc bàn giao 02 tàu VTC Tiger và VTC Ace để thay thế nghĩa vụ trả nợ
21		21/QĐ-HĐQT	21/10/2015	V/v Cử cán bộ Công ty đi công tác nước ngoài
22		22/QĐ-HĐQT	26/10/2015	V/v Ban hành Quy chế Quản lý tài chính của Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Thuê Tàu Biển Việt Nam
23		23/QĐ-HĐQT	26/10/2015	V/v Ban hành Quy chế Quản lý nợ của Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Thuê Tàu Biển Việt Nam
24	24/NQ-HĐQT		30/10/2015	V/v Phiên họp ngày 27 tháng 10 năm 2015
25		25/QĐ-HĐQT	28/12/2015	V/v Phê duyệt giá bán/chuyển nhượng Dự án kho bãi Nhơn Bình - Quy Nhơn
26		26/QĐ-HĐQT	31/12/2015	V/v Nâng bậc lương năm 2015
27		27/QĐ-HĐQT	31/12/2015	V/v Nâng bậc lương chuyên viên chính năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Để nâng cao hiệu quả quản lý, HĐQT Công ty thành lập 03 tiểu ban gồm: Tiểu ban Kế hoạch và chiến lược phát triển Công ty; Tiểu ban Nhân sự và lương thưởng, Tiểu ban Quản lý tài chính và kiểm toán. Thành viên của các Tiểu ban đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ của mình theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị

- ✓ Bà Phạm Thị Cẩm Hà – TV HĐQT
- ✓ Ông Huỳnh Nam Anh – TV HĐQT



Trưởng Ban kiểm soát

Nguyễn Thị Hiền

Sinh năm: 1968

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Tỷ lệ sở hữu của cá nhân: 0,008%



Thành viên Ban kiểm soát

Nguyễn Thị Băng Tâm

Sinh năm: 1961

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển, Cử nhân Ngữ Văn Anh

Tỷ lệ sở hữu của cá nhân: 0,018%



Thành viên Ban kiểm soát

Hoàng Thị Thanh Phương

Sinh năm: 1957

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán

Tỷ lệ sở hữu của cá nhân: 0,0678%

Về công tác tổ chức nhân sự của Ban kiểm soát

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 nhân sự Ban Kiểm soát không thay đổi, gồm 03 thành viên:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền : Trưởng ban - được bầu thay thế.
2. Bà Nguyễn Thị Băng Tâm : Thành viên từ nhiệm kỳ 2008 - 2012.
3. Bà Hoàng Thị Thanh Phương : được bầu thay thế.

Những công việc đã triển khai thực hiện

- ◆ Đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị; đại diện BKS còn tham dự các cuộc họp giao ban hàng tháng về tình hình sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc Công ty để nắm bắt và giám sát tình hình quản trị, điều hành hoạt động, thực hiện quy chế Công ty và tham gia đóng góp ý kiến kịp thời đối với các vấn đề liên quan.
- ◆ Đã bám sát các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, các quy định tại điều lệ công ty, các quy chế, nội quy, quyết định của công ty và các quy định pháp luật của nhà nước có liên quan để giám sát, kiểm tra quá trình triển khai và kết quả thực hiện.
- ◆ Đã tổ chức xem xét, thẩm tra các BCTC quý, BCTC bán niên, BCTC năm 2015 của Công ty được soát xét/kiểm toán bởi Cty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA).
- ◆ Thực hiện một số công việc khác theo quy định.

Đánh giá chung

- ◆ Năm 2015 trong nhiệm kỳ 2013-2017, Ban Kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định về quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng, Điều lệ hoạt động của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- ◆ Các Thành viên Ban Kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực thi nhiệm vụ, thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công theo đúng chức năng nhiệm vụ và bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan.
- ◆ Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã họp bàn rút kinh nghiệm, căn cứ vào tình hình thực tế để điều chỉnh phương pháp làm việc, bổ sung các nội dung cần lưu ý để thực hiện giám sát cho phù hợp. Tuy nhiên trong điều kiện môi trường kinh doanh còn cực kỳ khó khăn, kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định, hoạt động sản xuất kinh doanh còn tiềm ẩn nhiều rủi ro ngoài tầm kiểm soát thì công tác kiểm soát không tránh khỏi những tồn tại mà ban kiểm soát cần phải hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.
- ◆ Do hạn chế về vị trí địa lý và để tiết kiệm chi phí, ngoài các phiên họp tập trung chính thức, Trưởng ban Kiểm soát và các thành viên thường xuyên chỉ đạo, trao đổi thông tin, công việc bằng email và điện thoại.

Hội đồng quản trị trong công tác quản lý điều hành hoạt động Công ty

Ông Bùi Mạnh Cường được Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam cử làm người đại diện phần vốn thay Ông Trương Đình Sơn được nghỉ hưu theo chế độ nhà nước và được bầu làm thành viên HĐQT tạm thời kể từ ngày 1/9/2015.

- ◆ Các thành viên HĐQT đều thực hiện đầy đủ trách nhiệm nghĩa vụ và quyền hạn được quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty và Quy chế quản trị Công ty.
- ◆ HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của công ty. Trong năm 2015 HĐQT đã họp 4 lần, ban hành 10 Nghị quyết và 17 Quyết định liên quan đến công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD, chủ trương hợp tác đầu tư, chủ trương xử lý nợ, thoái vốn tại Công ty liên kết, tổ chức nhân sự, chế độ chính sách, quy chế quản lý tài chính và quản lý nợ, v.v...
- ◆ Các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị ban hành cơ bản đều được sự thống nhất của các thành viên và phù hợp với Điều lệ hoạt động của Công ty, mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015 và quy định của pháp luật hiện hành.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Ban điều hành Công ty

- ◆ Tổng giám đốc đã có những chỉ đạo điều hành sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Đã điều hành quản lý, nỗ lực đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động. Tổ chức thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT.
- ◆ Các Phó Tổng giám đốc đã hoàn thành trách nhiệm của mình theo sự thống nhất phân công của Tổng giám đốc.
- ◆ Trước thực trạng tình hình vận tải biển nước ta nói riêng và tình hình vận tải biển thế giới nói chung vẫn còn chìm sâu trong khó khăn về giá cước, các chỉ số BDI và BHSI sụt giảm nghiêm trọng, tại ngày 16/12/2015, chỉ số BDI chỉ còn 471 điểm thấp nhất trong vòng 30 năm qua. Mặc dù giá dầu thô trên thế giới năm 2015 đã giảm đến 46% và tăng trưởng đội tàu thấp chỉ bằng 50% so với năm 2014, nhưng thị trường vận tải biển vẫn diễn biến theo chiều hướng xấu. Chi phí giá thành đội tàu Công ty vẫn tăng và chịu ảnh hưởng rất nặng nề từ chi phí đầu tư đội tàu từ những năm trước (chi phí vốn bao gồm khấu hao, lãi vay và chênh lệch tỷ giá); Năng lực vận tải giảm do đầu năm 2015 bán tàu VTC Sky và trong năm bàn giao 2 tàu VTC Tiger và VTC Ace cho NH TMCP Hàng Hải VN để xử lý khoản nợ vay dài hạn, v.v... do vậy đã ảnh hưởng xấu đến kết quả hoạt động SXKD năm 2015.

Một số chỉ tiêu cơ bản đã thực hiện trong năm 2015

- ◆ Sản lượng vận tải về tấn thực hiện: 1.740.638 tấn đạt 88,22% kế hoạch, bằng 103,20% so cùng kỳ năm trước.
- ◆ Sản lượng luân chuyển tấn/km: 9,61 tỷ tấn/km đạt 116,92% kế hoạch, bằng 82,45% so cùng kỳ năm trước.
- ◆ Doanh thu các hoạt động thực hiện: 887,96 tỷ đồng đạt 82% kế hoạch, bằng 61% so cùng kỳ năm trước.
- ◆ Lợi nhuận kế toán trước thuế thực hiện (193,85) tỷ đồng, lợi nhuận kế toán sau thuế hợp nhất (194,02) tỷ đồng.
- ◆ Đội tàu vận tải biển tính đến cuối năm 2015 gồm 10 chiếc tổng trọng tải 199,275 DWT (trong đó có 2 tàu trọng tải 6.500 Dwt, 8 tàu còn lại từ 22.000 - 28.000 Dwt), trọng tải bình quân (tính theo vận doanh) 220,552 Dwt giảm gần 10% so với cùng kỳ năm trước, tuổi tàu bình quân là 15 chủ yếu khai thác trên các tuyến đường và mặt hàng truyền thống.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2014
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	887.957.197.956	1.447.196.100.677
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(119.057.446.801)	(88.582.059.258)
3	Doanh thu hoạt động tài chính	11.352.323.992	6.792.945.483
4	Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh	(307.410.227.706)	(313.685.769.955)
5	Lợi nhuận khác	113.555.428.474	(572.920.256)
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(193.854.799.232)	(314.258.690.211)
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	169.215.512	567.706.671
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	(79.056.633.190)
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(194.024.014.744)	(235.769.763.692)
9	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(177.287.653)	549.488.349
10	Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)	(193.694.863.756)	(235.769.763.692)
11	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.286)	(4.005)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2015	2014
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	5.824.071.167	33.405.007.949
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	111.378.934.878	(23.233.436.346)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(134.322.857.181)	6.484.943.714
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(17.119.851.136)	16.656.515.317
Tiền và tương đương tiền đầu năm	52.461.877.891	53.859.075.861
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	54.647.522	(18.053.713.287)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	35.396.674.277	52.461.877.891

Các sự kiện phát sinh trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2015 cần lưu ý như sau

- Thực hiện kết luận báo cáo Kiểm toán Nhà nước ngày 08/09/2015 cho năm Báo cáo tài chính 2014 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam, Công ty đã điều chỉnh lụy kế bổ sung vào số đầu năm 146.212.376.613 đồng chi phí lãi vay và 8.569.016.868 đồng chi phí khấu hao đội tàu của năm 2013. Hạch toán bổ sung tăng 120.984.621.378 đồng chi phí lãi vay phải trả và 8.569.016.868 đồng chi phí khấu hao đội tàu vào năm 2014.
- Thực hiện chủ trương thoái vốn tại các công ty con, Công ty Vitranschart đã tổ chức bán đấu giá thành công phần vốn góp tại Công ty CP Cung ứng dịch vụ HH và XNK Phương Đông (Pdimex JSC) vào ngày 29/5/2015 giảm tỷ lệ sở hữu từ 56,67% xuống còn 26,46%.
- Chi nhánh Vitranschart tại Vũng Tàu tạm ngưng hoạt động từ ngày 01/7/2015 do gặp khó khăn về tài chính, thị trường không thuận lợi theo Quyết định số 10/QĐ-HĐQT ngày 18/6/2015.
- Công ty đã ký hợp đồng bán tàu VTC Sky và giao tàu cho người mua vào ngày 30/1/2015 tại phao Xoài rập - TP.HCM.

Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính và Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015

Báo cáo tài chính

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA). Ban kiểm soát nhất trí với ý kiến của Công ty CPA là Báo cáo tài chính hợp nhất do Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam đã phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành của Nhà nước có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, v.v...

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Các số liệu cuối cùng, cơ bản như bảng B1, B2, sau đây:

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	31/12/2015	01/01/2015
A. Tài sản ngắn hạn	233.873,07	326.587,18
B. Tài sản dài hạn	1.671.224,44	2.333.983,99
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.905.097,51	2.660.571,16

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn vốn	31/12/2015	01/01/2015
A. Nợ phải trả	2.109.659,57	2.661.748,30
B. Vốn chủ sở hữu	-204.562,05	-10.027,11
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	-	8.849,97
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.905.097,52	2.660.571,16

Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính

Chỉ tiêu	2015	2014
Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	12,28%	12,28%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	87,72%	87,72%
Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	110,74%	100,04%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	-10,74%	-0,38%
Khả năng thanh toán hiện hành		
- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	0,70	0,69
- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,53	0,48
- Khả năng thanh toán bằng tiền (lần)	0,11	0,11

- Trong năm Công ty đã bàn giao hai tàu VTC Tiger và VTC Ace cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, để xử lý khoản vay nợ dài hạn tại ngân hàng này.
- Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng dự án kho bãi Nhơn Bình tại khu công nghiệp Nhơn Bình - Bình Định, dự kiến bàn giao tài sản trong quý 1/2016.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty

- Ban Kiểm soát có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty, nhưng vẫn duy trì sự độc lập trong việc thực hiện chức năng quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành luôn tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình, được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và đóng góp ý kiến vào các nội dung cuộc họp.
- Ban Kiểm soát đã phối hợp với cổ đông lớn là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trong việc hỗ trợ giải quyết những khó khăn vướng mắc và có kiến nghị kịp thời đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác quản trị công ty và đề phòng rủi ro.

Phương hướng hoạt động năm 2016

Căn cứ vào tình hình hoạt động của ban kiểm soát năm 2015 và kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty năm 2016, ban kiểm soát xin đề ra kế hoạch hoạt động của ban trong năm 2016 như sau:

- Tiếp tục bám sát các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch, nhiệm vụ SXKD theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 để có kế hoạch cụ thể kiểm tra giám sát tình hình thực hiện theo các quy định hiện hành.
- Giám sát việc chấp hành điều lệ của công ty, pháp luật của nhà nước. Giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, quy chế của hội đồng quản trị và các Quy chế quản lý nội bộ của công ty.
- Kiểm tra, rà soát lại toàn bộ hệ thống các quy chế, quy định trong quản lý, điều hành của công ty để kiến nghị công ty cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung kịp thời hoặc xây dựng mới theo quy định pháp luật của nhà nước và phù hợp tình hình thực tế của công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2016.
- Tiến hành thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính giữa niên độ và thường niên năm 2016; cũng như thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc theo đúng chức năng nhiệm vụ của từng thành viên trong ban kiểm soát.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Tăng cường công tác phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ và tốt nhất Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016.
- Các thành viên Ban Kiểm soát căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định và thống nhất phân công trong Ban Kiểm soát để thực hiện công việc nêu trên có hiệu quả cao nhất.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2015

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao
Hội đồng quản trị			
1	Huỳnh Hồng Vũ	Chủ tịch Hội Đồng quản trị	138.949.107
2	Trương Đình Sơn	Phó chủ tịch Hội Đồng quản trị	110.252.927
3	Huỳnh Nam Anh	Thành viên Hội Đồng quản trị	95.904.843
4	Phạm Thị Cẩm Hà	Thành viên Hội Đồng quản trị	95.904.843
5	Nguyễn Minh Cường	Thành viên Hội Đồng quản trị	95.904.843
6	Bùi Mạnh Cường	Thành viên Hội Đồng quản trị	27.190.668
Ban kiểm soát			
1	Nguyễn Thị Hiền	Trưởng Ban Kiểm soát	87.306.045
2	Nguyễn Thị Băng Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát	79.293.366
3	Hoàng Thị Thanh Phương	Thành viên Ban Kiểm soát	79.293.366
Tổng cộng			810.000.008

Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương
1	Huỳnh Hồng Vũ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	547.944.234
2	Trương Đình Sơn	Tổng Giám đốc (tiền nhiệm)	287.126.632
3	Phạm Thị Cẩm Hà	Tổng Giám đốc (đương nhiệm)	143.276.520
4	Huỳnh Nam Anh	Phó Tổng Giám đốc	414.252.884
5	Phạm Thị Cẩm Hà	Phó Tổng Giám đốc (tiền nhiệm)	251.560.409
6	Dương Đình Ninh	Phó Tổng Giám đốc (bổ sung)	359.918.819
7	Đặng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	231.264.429
8	Mai Thị Thu Vân	Kế toán trưởng	278.153.523
Tổng cộng			2.513.497.450

Thông tin về cổ đông nội bộ và người có liên quan nắm giữ cổ phiếu

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Mối liên hệ với thành viên chủ chốt	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)
1	Huỳnh Hồng Vũ	Chủ tịch HĐQT		45.475	0,0771
1.1	Vũ Thị Liên Hương		Vợ	29.500	0,0500
1.2	Huỳnh Hồng Việt		Con ruột		
1.3	Huỳnh Vũ Hồng Mai		Con ruột		
1.4	Huỳnh Hoa		Em ruột		
1.5	Huỳnh Thị Hồng		Em ruột		
2	Trương Đình Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT		2.975.078	5,043
2.1	Ngô Thị Thu Trang		Vợ		
2.2	Trương Nhật Trung		Con ruột		
2.3	Trương Mỹ Linh		Con ruột		
2.4	Trương Thị Tố Nga		Chị ruột		
2.5	Trương Thị Hoài Nam		Chị ruột		
2.6	Trương Đình Khôi		Anh ruột		
2.7	Trương Thị Thu Dung		Em ruột		
2.8	Trương Thị Thu Thủy		Em ruột		
2.9	Trương Đình Hải		Em ruột		
2.10	Trương Đình Hiền		Em ruột		
2.11	Trương Thị Diễm Trang		Em ruột		
3	Phạm Thị Cẩm Hà	Thành viên HĐQT - TGD		117.248	0,1987
3.1	Đào Thúy Phi		Mẹ		
3.2	Nguyễn Gia Hiền		Chồng	9.000	0,0153
3.3	Phạm Quốc Hải		Em ruột		
4	Huỳnh Nam Anh	Thành viên HĐQT - Phó TGD		96.962	0,1643
4.1	Phạm Thị Phương		Mẹ		
4.2	Lâm Thị Thu Nam		Vợ		

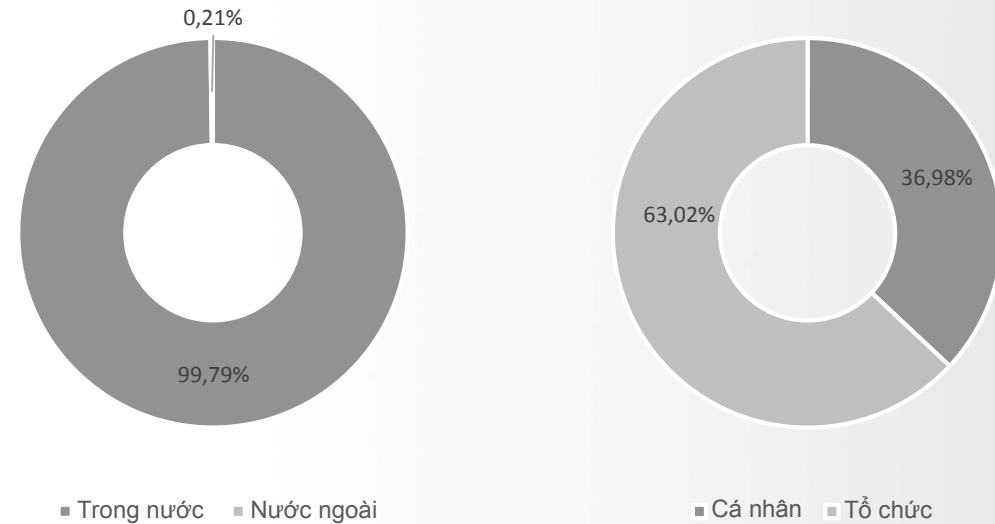
THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Số lượng cổ phiếu Công ty đã phát hành : 58.999.337 cổ phần
 Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 VNĐ
 Số cổ phiếu phổ thông : 58.999.337 cổ phần
 Số cổ phiếu đang lưu hành : 58.999.337 cổ phần
 Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 58.999.337 cổ phần
 Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : Không có

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : không có
 Giao dịch cổ phiếu quỹ : không có

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Ông Diệp Văn Bầy, là chồng bà Hoàng Thị Thanh Phương – Thành viên Ban kiểm soát đã mua 30.000 cổ phiếu VST từ ngày 04/05 đến ngày 06/05/2015.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU



BÁO CÁO QUẢN TRỊ

9.3	Diệp Hoàng Phương Lan		Con ruột		
10	Dương Đình Ninh	Phó TGD		20.207	0,0342
10.1	Từ Thị Cúc	Trưởng Trạm Y tế Cty	Vợ	1.622	0,0027
10.2	Dương Đình Tài		Con		
10.3	Dương Thị Thọ		Chị ruột		
10.4	Dương Thị An		Chị ruột		
10.5	Dương Thị Thịnh		Em ruột		
10.6	Dương Thị Vượng		Em ruột		
11	Đặng Hiểu	Phó TGD		05	0,0000
11.1	Trần Thị Nguyệt Ánh		Vợ		
11.2	Đặng Quang Vinh		Con		
11.3	Đặng Thị Hồng		Em		
11.4	Đặng Quang Hạnh		Em		
11.5	Đặng Thị Hiền		Em		
11.6	Đặng Ngọc Hiện		Em		
11.7	Đặng Thị Hoa Huệ		Em		
11.8	Đặng Hải		Em		
11.9	Đặng Thị Hương		Em		
12	Mai Thị Thu Vân		Mẹ	1.000	0,0017
12.1	Nguyễn Thị Ái Minh		Chồng	1.700	0,0029
12.2	Phan Văn Phúc		Em ruột	2.500	0,0042
12.3	Mai Thế Anh		Em ruột	7	0,0000
12.4	Mai Thế Dũng				
13	Đoàn Thị Thu Hòa	Người được UQCBTT		18.800	0,0319
13.1	Đoàn Quang Huyền		Cha		
13.2	Bùi Thị Báu		Mẹ		
13.3	Trương Nguyễn Thuận Nhân		Chồng		

4.3	Huỳnh Mai Hoa		Em ruột		
5	Nguyễn Minh Cường	Thành viên HĐQT			
5.1	Nguyễn Văn An		Cha		
5.2	Hà Thị Nho		Mẹ		
5.3	Nguyễn Thị Hồng Hoa		Vợ		
5.4	Nguyễn Thị Ngân Khánh		Chị ruột		
5.5	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		Em ruột		
5.6	Nguyễn Thị Thủy Tiên		Em ruột		
5.7	Nguyễn Trung Hiếu		Em ruột		
6	Bùi Mạnh Cường	Thành viên HĐQT			
6.1	Phạm Thị Hợi		Mẹ		
6.2	Đoàn Thị Bình		Vợ		
6.3	Bùi Thị Thanh Hòa		Con đẻ		
6.4	Bùi Thị Quỳnh Anh		Con đẻ		
6.5	Bùi Thị Hải		Chị gái		
6.6	Bùi Tuấn Hùng		Anh trai		
7	Nguyễn Thị Hiền	Trưởng BKS		4.720	0,0080
7.1	Lê Phan Linh		Chồng	7.090	0,0120
8	Nguyễn Thị Băng Tâm	Thành viên BKS		10.620	0,0180
8.1	Đàm Thị Thái		Mẹ		
8.2	Đỗ Hữu Hải		Chồng		
8.3	Đỗ Thị Hồng Hạnh		Con ruột		
8.4	Đỗ Thị Thùy Linh		Con ruột		
8.5	Nguyễn Thị Tố Tâm		Em ruột		
9	Hoàng Thị Thanh Phương	Thành viên BKS			
9.1	Diệp Văn Bảy		Chồng	40.000	0,0678
9.2	Diệp Hoàng Long		Con ruột		

13.4	Đoàn Thị Thu Huyền		Chị ruột		
13.5	Đoàn Thị Thu Hằng		Chị ruột		

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2015

(Hợp nhất)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 39 404 271/125 Fax: 08 39 404 711

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CỦA CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM**

Năm tài chính 2015

Kèm theo

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI - CPA HÀ NỘI
Số 3 Ngõ 1295 - Đường Giải Phóng - Quận Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: (04) 39 745 081/82 Fax: (04) 39 745 083

Hà Nội, tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 39 404 271/125

Fax: 08 39 404 711

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
Báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên độc lập	6 - 7
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015	8 - 11
Báo cáo kết quả SXKD hợp nhất cho năm tài chính 2015	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2015 (theo PP trực tiếp)	13 - 14
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2015	15 - 37
Phụ lục số 1 : Các khoản đầu tư tài chính	38
Phụ lục số 2 : Nợ xấu	39
Phụ lục số 3 : Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	40
Phụ lục số 4 : Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	41
Phụ lục số 5 : Vay và nợ thuê tài chính	42 - 43
Phụ lục số 6 : Phải trả người bán	44
Phụ lục số 7 : Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu	45
Phụ lục số 8 : Báo cáo bộ phận	46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam lập và trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2015.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, cấp lại lần thứ 9 ngày 18 tháng 09 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Theo đó:
Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam
Tên Tiếng Anh : VIETNAM SEA TRANSPORT AND CHARTERING JOINT STOCK
Tên viết tắt : VITRANSCHART JSC
Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 589.993.370.000 đồng
(Năm trăm tám mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng)

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 39 404 271/125
Fax : 08 39 404 711
Website : <http://www.vitranschart.com.vn>
Email : vtc-hcm@vitranschart.com.vn

Hiện tại, Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội, sàn giao dịch Upcom với mã cổ phiếu VST.

Khối lượng niêm yết : 58.999.337
Ngày niêm yết : 26/5/2015
Ngày chính thức giao dịch : 10/6/2015

Danh sách và địa chỉ các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Thông tin về đơn vị trực thuộc</u>
1. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 32 Phan Đăng Lưu, Phường 3 Tp Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Mã chi nhánh: 0300448709-005
2. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Đà Nẵng	Địa chỉ: Tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng Mã chi nhánh: 0300448709-006

(Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc)

3. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Quy Nhơn Địa chỉ: Lô C2-C3 Cụm CN Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Mã chi nhánh: 0300448709-008
4. Trung tâm Đào tạo, môi giới và Xuất khẩu thuyền viên Phía Nam (SCC) Địa chỉ: Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường ĐaKao, Q1, Tp. Hồ Chí Minh
Mã chi nhánh: 0300448709-003
5. VP Đại diện tại Hà Nội Phòng 310, tầng 3, Tòa Nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, P. Mai Dịch, Q. Đống Đa, Hà Nội

Danh sách và địa chỉ công ty con:

<u>Tên công ty</u>	<u>Tổng vốn đầu tư (đồng)</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>	<u>Thông tin về công ty con</u>
1. Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR)	5.500.000.000	100%	Số 428 Nguyễn Tất Thành, P18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0309518598

Danh sách và địa chỉ công ty liên kết:

<u>Tên công ty</u>	<u>Tổng vốn đầu tư (đồng)</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>	<u>Thông tin về công ty liên kết</u>
1. Công ty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)	18.540.000.000	26,46%	Số 438 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0306291349

Lĩnh vực kinh doanh:

Thương mại. Dịch vụ.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan. Cho thuê kho bãi, container. Dịch vụ đại lý tàu biển. Môi giới thuê tàu biển. Căn hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;

(Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc)

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)/.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Hồng Vũ	Chủ tịch	Bầu từ ngày 24 tháng 04 năm 2013
Ông Trương Đình Sơn	Phó Chủ tịch	Bầu từ ngày 24 tháng 04 năm 2013
Ông Bùi Mạnh Cường	Thành viên	Bầu từ ngày 27 tháng 08 năm 2015
Ông Huỳnh Nam Anh	Thành viên	Bầu từ ngày 24 tháng 04 năm 2013
Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Thành viên	Bầu từ ngày 24 tháng 04 năm 2013
Ông Nguyễn Minh Cường	Thành viên	Bầu từ ngày 24 tháng 04 năm 2013

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng Ban	Bầu từ ngày 24 tháng 04 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Băng Tâm	Thành viên	Bầu từ ngày 24 tháng 04 năm 2013
Bà Hoàng Thị Thanh Phương	Thành viên	Bầu từ ngày 24 tháng 04 năm 2013

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 09 năm 2015 (Thay thế Ông Trương Đình Sơn nghỉ hưu)
Ông Huỳnh Nam Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 09 tháng 05 năm 2013
Ông Dương Đình Ninh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 09 tháng 05 năm 2013
Ông Đặng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 20 tháng 05 năm 2015
Bà Mai Thị Thu Vân	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 09 tháng 05 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật cho Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này:

Bà Phạm Thị Cẩm Hà - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPA Hà Nội là công ty kiểm toán có đủ năng lực được Hội đồng quản trị lựa chọn là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 cho Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPA Hà Nội bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

(Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc)

CÁC SỰ KIỆN, ĐẶC ĐIỂM ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Thực hiện kết luận Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 08/09/2015 cho năm tài chính 2014 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam, Công ty đã điều chỉnh lũy kế bổ sung đầu năm 146,2 tỷ lãi vay và 8,6 tỷ khấu hao TSCĐ; Hạch toán bổ sung lãi vay phải trả 120,9 tỷ đồng, trích bổ sung khấu hao TSCĐ 8,6 tỷ đồng vào năm 2014.
- Thực hiện chủ trương thoái vốn tại các Công ty con, Vitranschart đã tổ chức bán đấu giá thành công phần vốn góp tại Công ty CP cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (Pdimec JSC) vào ngày 29/5/2015, giảm tỷ lệ sở hữu từ 56,67% xuống còn 26,46%.
- Chi nhánh Vitranschart tại Vũng Tàu tạm ngừng kinh doanh từ 01/07/2015 đến 30/6/2016 do gặp khó khăn về tài chính, thị trường không thuận lợi theo quyết định 10/QĐ-HĐQT ngày 18/6/2015.
- Công ty đã ký Hợp đồng bán tàu VTC Sky theo hợp đồng số 10/HĐMBT.VTC SKY, giá trị hợp đồng 142 tỷ đồng bao gồm thuế GTGT, người mua là Công ty CP Vận tải và Thương mại Quốc tế. Công ty đã giao tàu cho người mua vào ngày 30/01/2015 tại Phao Xoài Rạp - Tp Hồ Chí Minh.
- Trong kỳ, Công ty bàn giao tàu VTC Tiger và VTC Ace cho Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam để xử lý khoản nợ vay dài hạn tại ngân hàng này.
- Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng dự án Kho bãi Nhơn Bình tại KCN Nhơn Bình - Bình Định, dự kiến bàn giao tài sản trong cuối Quý 1/2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Ngoại trừ những ảnh hưởng nêu trong đoạn các sự kiện đặc biệt ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính thì:
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.



Phạm Thị Cẩm Hà
 Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam
 Tp Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2016

(Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc)



Số: 38 /2016/BCKT/BCTCHN - CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2015
của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam

Kính gửi **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN TỔNG GIÁM ĐỐC; QUÝ CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam bao gồm Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính lập ngày 08/03/2016 đã được trình bày từ trang 8 đến trang 46 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Lưu ý về tính hoạt động liên tục:

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam cho năm tài chính 2015 được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục. Đến cuối năm tài chính 2015, Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam có nhiều biện pháp được triển khai để tái cơ cấu doanh nghiệp. Trong năm tài chính tiếp theo, doanh nghiệp khẳng định tiếp tục hoạt động liên tục nhờ các biện pháp triển khai đang thực hiện có hiệu quả.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPA Hà Nội giữ 01 bản.



Lê Văn Dò
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 0231-2013-016-1
Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPA Hà Nội
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Thị Gấm
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 1082-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		233.873.073.781	326.587.176.520
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	35.396.674.277	52.461.877.891
1 . Tiền	111		12.130.674.277	20.461.877.891
2 . Các khoản tương đương tiền	112		23.266.000.000	32.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		108.636.339.915	115.475.882.528
1 . Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	3	63.171.243.984	52.872.229.425
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	20	27.529.233.471	44.784.426.997
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	4	23.706.807.945	26.847.397.011
4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	21	(5.770.945.485)	(9.028.170.905)
IV. Hàng tồn kho	140		56.753.884.266	99.117.127.937
1 . Hàng tồn kho	141	6	56.753.884.266	99.117.127.937
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.086.175.323	59.532.288.164
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	20.333.199.683	26.453.660.935
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	22	9.126.776.513	32.330.856.578
3 . Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	13	3.626.199.127	747.770.651

(Các Thuyết minh từ trang 15 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.671.224.442.381	2.333.983.987.036
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.343.341.800	1.306.502.200
1 . Phải thu dài hạn khác	216	4	1.343.341.800	1.306.502.200
II. Tài sản cố định	220		1.470.550.841.242	2.136.192.302.469
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.468.569.933.033	2.133.281.590.467
- Nguyên giá	222		2.830.639.644.913	3.771.757.951.821
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.362.069.711.880)	(1.638.476.361.354)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	9	1.980.908.209	2.910.712.002
- Nguyên giá	228		7.658.291.325	7.734.145.325
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.677.383.116)	(4.823.433.323)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dài hạn dở dang	240	7	2.517.190.638	801.531.941
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.517.190.638	801.531.941
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	2	7.128.204.119	-
1 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.128.204.119	-
2 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		189.684.864.582	195.683.650.426
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	10	35.051.264.582	41.050.050.426
2 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	154.633.600.000	154.633.600.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.905.097.516.162	2.660.571.163.556

(Các Thuyết minh từ trang 15 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	(Tiếp theo)		Số cuối năm	Số đầu năm
	Mã số	Thuyết minh		
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.109.659.566.763	2.661.748.298.449
I. Nợ ngắn hạn	310		366.801.851.805	482.318.722.939
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	95.773.055.171	191.859.451.512
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	7.185.116.259	2.370.911.535
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	553.542.966	919.464.632
4 . Phải trả người lao động	314		27.512.218.324	21.053.341.879
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	25.318.268.673	31.651.797.432
6 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	31.223.350.561	10.134.692.565
7 . Phải trả ngắn hạn khác	319	15	19.633.481.147	18.883.048.768
8 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	11	157.008.170.587	202.360.834.580
9 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	2.594.648.117	3.085.180.036
II. Nợ dài hạn	330		1.742.857.714.958	2.179.429.575.510
1 . Phải trả người bán dài hạn	331	12	500.000.000	1.495.082.905
2 . Phải trả dài hạn khác	337	15	8.404.589.178	8.404.589.178
3 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	11	1.733.953.125.780	2.169.529.903.427

(Các Thuyết minh từ trang 15 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	(Tiếp theo)		Số cuối năm	Số đầu năm
	Mã số	Thuyết minh		
1	2	3	4	5
I. Vốn chủ sở hữu	400		(204.562.050.601)	(1.177.134.893)
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	410	18	(204.562.050.601)	(1.177.134.893)
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		589.993.370.000	589.993.370.000
2 . Thặng dư vốn chủ sở hữu	412		88.258.000	88.258.000
3 . Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	306.000.000
4 . Quỹ đầu tư phát triển	418		9.691.201.839	10.109.485.045
5 . Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.934.983.765	4.898.917.929
6 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(809.269.864.205)	(615.423.137.114)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(615.423.137.114)	(379.103.885.073)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(193.846.727.091)	(236.319.252.041)
7 . Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	8.849.971.247
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.905.097.516.162	2.660.571.163.556

Lê Kim Phượng
 Lập biểu

Mai Thị Thu Vân
 Kế toán trưởng

Phạm Thị Cẩm Hà
 Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2016

(Các Thuyết minh từ trang 15 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm tài chính 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	887.957.197.956	1.447.196.100.677
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	15.251.178.632	28.234.234.953
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	27	872.706.019.324	1.418.961.865.724
4 Giá vốn hàng bán	11	28	991.763.466.125	1.507.543.924.982
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(119.057.446.801)	(88.582.059.258)
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	11.352.323.992	6.792.945.483
7 Chi phí tài chính	22	30	139.744.228.353	157.780.572.093
+ Trong đó: Chi phí lãi vay	23		58.299.146.628	132.301.251.456
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty LD, LK	24		(194.827.682)	-
9 Chi phí bán hàng	25	31	10.952.680.918	24.440.402.270
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	48.813.367.944	49.675.681.817
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(307.410.227.706)	(313.685.769.955)
12 Thu nhập khác	31	33	202.937.818.195	1.246.248.497
13 Chi phí khác	32	34	89.382.389.721	1.819.168.753
14 Lợi nhuận khác	40		113.555.428.474	(572.920.256)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(193.854.799.232)	(314.258.690.211)
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	169.215.512	567.706.671
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	-	(79.056.633.190)
18 Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(194.024.014.744)	(235.769.763.692)
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(193.846.727.091)	(236.319.252.041)
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(177.287.653)	549.488.349
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	38	(3.286)	(4.005)

Lê Kim Phụng
Lập biểu

Mai Thị Thu Vân
Kế toán trưởng



Phạm Thị Cẩm Hà
Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2016

(Các Thuyết minh từ trang 15 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm tài chính 2015

TT	Chỉ tiêu	Ma số	T. Minh	Đơn vị tính: đồng	
				Năm nay	Năm trước
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		864.321.362.289	1.435.713.102.053
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(606.063.397.676)	(1.112.895.356.105)
3	Tiền trả cho người lao động	03		(233.141.004.073)	(233.853.779.214)
4	Tiền lãi vay đã trả	04		(16.190.477.140)	(11.347.959.861)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(400.749.203)	(275.038.392)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		79.841.979.365	56.562.869.844
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(82.543.642.395)	(100.498.830.376)
8	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.824.071.167	33.405.007.949
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(22.939.908.135)	(25.698.145.460)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		129.739.336.955	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Tiền thu cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.000.000.000)	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5.406.000.000	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.173.506.058	2.464.709.114
8	Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		111.378.934.878	(23.233.436.346)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát	32		-	-
3	Tiền thu từ đi vay	33		104.264.216.939	471.262.933.678
4	Tiền trả nợ gốc vay	34		(238.587.074.120)	(464.777.989.964)
5	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-


(Các Thuyết minh từ trang 15 đến trang 46 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm tài chính 2015

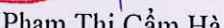
Đơn vị tính: đồng

	(Tiếp theo)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(134.322.857.181)	6.484.943.714
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(17.119.851.136)	16.656.515.317
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	52.461.877.891	53.859.075.861
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	54.647.522	(18.053.713.287)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 37	35.396.674.277	52.461.877.891


Lê Kim Phụng
Lập biểu


Mai Thị Thu Vân
Kế toán trưởng




Phạm Thị Cẩm Hà
Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm tài chính 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ-BGTVT ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, cấp lại lần thứ 9 ngày 18 tháng 09 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0300448709.

Theo đó:

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam
Tên Tiếng Anh : VIETNAM SEA TRANSPORT AND CHARTERING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : VITRANSCHART JSC

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 589.993.370.000 đồng

(Năm trăm tám mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng)

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 39 404 271/125
Fax : 08 39 404 711
Website : <http://www.vitranschart.com.vn>
Email : vtc-hcm@vitranschart.com.vn

Hiện tại, Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội, sàn giao dịch Upcom với mã cổ phiếu VST.

Khối lượng niêm yết : 58.999.337
Ngày niêm yết : 26/5/2015
Ngày chính thức giao dịch : 10/6/2015

Danh sách và địa chỉ các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Thông tin về đơn vị trực thuộc</u>
1. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 32 Phan Đăng Lưu, Phường 3 Tp Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Mã chi nhánh: 0300448709-005

2. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Đà Nẵng Địa chỉ: Tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng
 Mã chi nhánh: 0300448709-006
3. CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Quy Nhơn Địa chỉ: Lô C2-C3 Cụm CN Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
 Mã chi nhánh: 0300448709-008
4. Trung tâm Đào tạo, môi giới và Xuất khẩu thuyền viên Phía Nam (SCC) Địa chỉ: Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường ĐaKao, Q1, Tp. Hồ Chí Minh
 Mã chi nhánh: 0300448709-003
5. VP Đại diện tại Hà Nội Phòng 310, tầng 3, Tòa Nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, P. Mai Dịch, Q. Đống Đa, Hà Nội

Danh sách và địa chỉ công ty con:

<u>Tên công ty</u>	<u>Tổng vốn đầu tư (đồng)</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>	<u>Thông tin về công ty con</u>
1. Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR)	5.500.000.000	100%	Số 428 Nguyễn Tất Thành, P18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0309518598

Danh sách và địa chỉ công ty liên kết:

<u>Tên công ty</u>	<u>Tổng vốn đầu tư (đồng)</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>	<u>Thông tin về công ty liên kết</u>
1. Công ty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)	18.540.000.000	26,46%	Số 438 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0306291349

1.2 Lĩnh vực kinh doanh:

Thương mại. Dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan. Cho thuê kho bãi, container. Dịch vụ đại lý tàu biển. Môi giới thuê tàu biển. Cán hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)/.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường từ khoảng 15 ngày tới 6 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

- Thực hiện kết luận Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 08/09/2015 cho năm tài chính 2014 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam, Công ty đã điều chỉnh lũy kế bổ sung đầu năm 146,2 tỷ lãi vay và 8,6 tỷ khấu hao TSCĐ; Hạch toán bổ sung lãi vay phải trả 120,9 tỷ đồng, trích bổ sung khấu hao TSCĐ 8,6 tỷ đồng vào năm 2014.
- Thực hiện chủ trương thoái vốn tại các Công ty con, Vitranschart đã tổ chức bán đấu giá thành công phần vốn góp tại Công ty CP cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (Pdimex JSC) vào ngày 29/5/2015, giảm tỷ lệ sở hữu từ 56,67% xuống còn 26,46%.
- Chi nhánh Vitranschart tại Vũng Tàu tạm ngừng kinh doanh từ 01/07/2015 đến 30/6/2016 do gặp khó khăn về tài chính, thị trường không thuận lợi theo quyết định 10/QĐ-HĐQT ngày 18/6/2015.
- Công ty đã ký Hợp đồng bán tàu VTC Sky theo hợp đồng số 10/HĐMBT.VTC SKY, giá trị hợp đồng 142 tỷ đồng bao gồm thuế GTGT, người mua là Công ty CP Vận tải và Thương mại Quốc tế. Công ty đã giao tàu cho người mua vào ngày 30/01/2015 tại Phao Xoài Rạp - Tp Hồ Chí Minh.
- Trong kỳ, Công ty bàn giao tàu VTC Tiger và VTC Ace cho Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam để xử lý khoản nợ vay dài hạn tại ngân hàng này.
- Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng dự án Kho bãi Nhơn Bình tại KCN Nhơn Bình - Bình Định, dự kiến bàn giao tài sản trong cuối Quý 1/2016.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán:

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1 Ước tính kế toán:

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính và giả định đặt ra.

4.2 Tiền và tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

4.3 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng TMCP tại thời điểm hạch toán, riêng ngoại tệ nhận về tài khoản ngân hàng áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế. Chênh lệch tỷ giá nếu có được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính.

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm:

	31/12/2015	31/12/2014
USD:	22.526 đồng	21.370 đồng
EUR:	24.716 đồng	25.916 đồng

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

4.4 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ vận chuyển.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Dự phòng tổn thất hàng tồn kho nếu có được tính và trích lập như sau:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Mức trích lập dự phòng hàng tồn kho được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ và khấu hao TSCĐ:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Tài sản cố định được hạch toán ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử, thuế nhập khẩu (nếu có) và các chi phí khác để đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (hữu hình, vô hình):

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Theo đó, thời gian khấu hao được ước tính cụ thể như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 12 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 20 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 08 năm |

- * Lãi, lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được hạch toán như một khoản lãi hoặc lỗ trong kỳ phát sinh nghiệp vụ.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc kể từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".
 - Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
 - Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:
- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Thanh lý khoản đầu tư: Phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Chi phí khác: Chi phí phát sinh trong kỳ ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính được ghi nhận là chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Chi phí trả trước ngắn hạn được phân bổ trong 1 năm, chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong 2 đến 3 năm.

4.10 Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm:

- Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

- Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của CSH: Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn góp thực tế. Vốn góp của cổ đông bao gồm góp theo mệnh giá và phần cao hơn mệnh giá - Thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận từ kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác: Được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng; và
- + Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

4.13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

- Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên thu nhập chịu thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.
- + Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.
- + Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

- + Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- + Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

4.14 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- + Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
 - + Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

4.15 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này, bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam Sở hữu: 100%
(SSR)
- Công ty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Sở hữu: 26,46%
Phương Đông (PDIMEX JSC)

(Số liệu hợp nhất kết quả kinh doanh là số liệu kết quả kinh doanh trong 5 tháng đầu năm 2015 - tính từ đầu năm đến thời điểm thoái vốn đối với Công ty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và Xuất nhập khẩu Phương Đông)

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty con và công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Tiền mặt	114.919.265	439.742.995
+ Tiền Việt Nam	114.919.265	439.742.995
- Tiền gửi ngân hàng	12.015.755.012	20.022.134.896
+ Tiền Việt Nam	3.480.575.448	5.795.734.044
+ Ngoại tệ	8.535.179.564	14.226.400.852
- Các khoản tương đương tiền	23.266.000.000	32.000.000.000
Cộng	35.396.674.277	52.461.877.891

2 Các khoản đầu tư tài chính

Phụ lục số 1

3 Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
- Phải thu khách hàng nước ngoài	51.215.246.199	22.521.629.073
- Phải thu khách hàng trong nước	11.119.680.194	7.480.980.402
- Phải thu khách hàng SSR	836.317.591	1.866.512.015
- Phải thu khách hàng Pdimex	-	21.003.107.935
Cộng	63.171.243.984	52.872.229.425

4 Phải thu khác

	Số cuối năm đồng		Số đầu năm đồng	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
+ Tạm ứng	8.088.229.485	-	11.511.234.630	-
+ Phải thu khác	15.618.578.460	-	15.336.162.381	-
Cộng	23.706.807.945	-	26.847.397.011	-
Dài hạn				
+ Các khoản tiền ủy thác	326.541.800	-	-	-
+ Các khoản phải thu dài	1.016.800.000	-	1.306.502.200	-
Cộng	1.343.341.800	-	1.306.502.200	-

5 Nợ xấu	Phụ lục số 2			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
6 Hàng tồn kho	đồng		đồng	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
+ Hàng mua đi đường	-	-	5.160.228.480	-
+ Nguyên vật liệu	55.502.071.485	-	73.490.832.760	-
+ Công cụ, dụng cụ	1.064.549.156	-	19.770.010.421	-
- Công cụ, dụng cụ	765.467.588	-	19.770.010.421	-
- Thiết bị, phụ tùng	299.081.568	-	-	-
+ Chi phí SXKD dở	187.263.625	-	696.056.276	-
Cộng	56.753.884.266	-	99.117.127.937	-
7 Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	đồng		đồng	
+ Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết cho các công trình chiếm từ 10% trên tổng giá trị XD CB)				
- Mua sắm tài sản cố định	764.169.208	-	-	-
- Sửa chữa lớn tài sản	1.753.021.430	-	801.531.941	-
Cộng	2.517.190.638	-	801.531.941	-
8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Phụ lục số 3			
9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình	Phụ lục số 4			
10 Chi phí trả trước	Số cuối năm		Số đầu năm	
	đồng		đồng	
+ Chi phí trả trước ngắn hạn:				
- Chi phí công cụ, dụng cụ	71.524.830		100.130.153	
- Chi phí bảo hiểm đội tàu, CNV, hòa hoạn	5.287.982.508		6.031.683.556	
- Chi phí phụ tùng, sửa chữa thường xuyên	14.698.850.049		19.598.814.887	
- Chi phí phân bổ khác	55.411.946		67.469.189	
- Chi phí trả trước ngắn hạn các chi nhánh	219.430.350		500.972.256	

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Chi phí trả trước ngắn hạn Pdimex	-	154.590.894
Cộng	20.333.199.683	26.453.660.935
+ Chi phí trả trước dài hạn:		
- Chi phí thuê đất tại Quy Nhơn	3.902.952.711	2.846.467.865
- Sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	22.409.234.823	37.598.759.698
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	57.007.720	196.637.610
- Chi phí chờ phân bổ khác	8.474.169.684	185.363.519
- Chi phí trả trước dài hạn các CN	204.188.735	144.204.982
- Chi phí trả trước dài hạn SSR	3.710.909	23.500.085
- Chi phí trả trước dài hạn Pdimex	-	55.116.667
Cộng	35.051.264.582	41.050.050.426
11 Vay và nợ thuê tài chính	Phụ lục số 5	
12 Phải trả người bán	Phụ lục số 6	
13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
	đồng	đồng
a Số phải nộp:		
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	442.815.974	397.725.778
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.824.893	336.883.540
- Thuế thu nhập cá nhân	59.902.099	184.855.314
Cộng	553.542.966	919.464.632
b Số phải thu:		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	45.975.788
- Thuế thu nhập cá nhân	3.626.199.127	701.794.863
Cộng	3.626.199.127	747.770.651
14 Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
	đồng	đồng
a Ngắn hạn:		
- Chi phí lãi vay phải trả	-	3.908.746.141
- Chi phí phải trả khác	25.318.268.673	27.743.051.291
VTC - cảng phí nước ngoài	15.272.205.297	22.857.342.230
Tiền ăn của thuyền viên	3.900.921.955	3.738.598.234
Trích trước phân bổ CP SCL, khác	5.971.127.192	867.073.924
Trung tâm ĐT MG & XK TVPN (SCC)	130.946.495	67.430.603

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
CN Cty CP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Quy Nhơn	11.090.000	59.780.000
CN Cty CP Vận tải và thuê tàu biển VN tại Đà Nẵng	20.000.000	-
Chi phí phải trả SSR	11.977.734	152.826.300
Cộng	25.318.268.673	31.651.797.432
15 Phải trả khác		
	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
a Ngắn hạn:		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	27.756.915	-
- Kinh phí công đoàn	7.870.051.787	7.891.456.700
- Bảo hiểm xã hội	3.242.212.700	7.049.827.683
- Bảo hiểm y tế	174.158.751	290.617.169
- Bảo hiểm thất nghiệp	110.022.916	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.209.278.078	3.651.147.216
Cộng	19.633.481.147	18.883.048.768
b Dài hạn:		
- Phải trả các khoản khác dài hạn	8.404.589.178	8.404.589.178
+ Phải trả Công ty Đóng tàu Bạch Đằng tàu Phoenix	8.404.589.178	8.404.589.178
Cộng	8.404.589.178	8.404.589.178
16 Doanh thu chưa thực hiện		
	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
a Ngắn hạn:		
- Doanh thu nhận trước Văn phòng công ty	31.223.350.561	10.134.692.565
CN Cty CP Vận tải và Thuê Tàu biển VN tại Bình Định	31.223.350.561	10.042.817.565
	-	91.875.000
Cộng	31.223.350.561	10.134.692.565
17 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
a Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	154.633.600.000	154.633.600.000
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	154.633.600.000	154.633.600.000
18 Vốn chủ sở hữu		
a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		Phụ lục số 7

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	354.000.000.000	354.000.000.000
- Cổ đông khác	235.993.370.000	235.993.370.000
Cộng	589.993.370.000	589.993.370.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm		589.993.370.000
+ Vốn góp cuối năm		589.993.370.000
d. Cổ phiếu	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	58.999.337	58.999.337
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	58.999.337	58.999.337
+ Cổ phiếu phổ thông	58.999.337	58.999.337
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	58.999.337	58.999.337
+ Cổ phiếu phổ thông	58.999.337	58.999.337
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành <đồng/CP>	10.000	10.000
d. Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		Chưa công bố
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		Chưa công bố
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		Không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi chưa ghi nhận		Không có
e. Các quỹ của Công ty	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Quỹ đầu tư phát triển	9.691.201.839	10.109.485.045
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.934.983.765	4.898.917.929
Cộng	14.626.185.604	15.008.402.974
19 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Nợ khó đòi đã xử lý	1.826.561.550	1.826.561.550
+ Dollar Mỹ (USD)	880.472,82	673.653,37

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

+ Euro (EUR)	1,10	1,04
20 Trả trước cho người bán		
	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Ngắn hạn:		
- Trả trước cho người bán nước ngoài	24.795.322.822	42.284.461.885
- Trả trước cho người bán trong nước	2.733.910.649	530.979.732
- Trả trước cho người bán SSR	-	73.460.000
- Trả trước cho người bán Pdimex	-	1.895.525.380
Cộng	27.529.233.471	44.784.426.997

21 Dự phòng tổn thất tài sản		
	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	5.770.945.485	9.028.170.905
Cộng	5.770.945.485	9.028.170.905

22 Thuế GTGT được khấu trừ		
	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
- Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	9.126.776.513	32.330.856.578
Cộng	9.126.776.513	32.330.856.578

23 Người mua trả tiền trước		
	Số cuối năm đồng	Số đầu năm đồng
Ngắn hạn:		
- Người mua nước ngoài trả tiền trước ngắn hạn	877.080.643	137.368.929
- Người mua trong nước trả tiền trước ngắn hạn	6.308.035.616	2.233.542.606
Cộng	7.185.116.259	2.370.911.535

24 Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
	Số đầu năm đồng	Tăng do trích lập từ lợi nhuận đồng	Chi quỹ trong năm đồng	Số cuối năm đồng
- Quỹ khen thưởng	1.945.722.621	-	105.171.060	1.840.551.561
- Quỹ phúc lợi	1.131.008.203	-	377.128.871	753.879.332

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản	8.231.988	-	8.231.988	-
- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	217.224	-	-	217.224
Cộng	3.085.180.036	-	490.531.919	2.594.648.117

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

25 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		Năm nay đồng	Năm trước đồng
a. Doanh thu:			
- Doanh thu bán hàng hóa	63.145.546.738	233.408.609.588	
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	824.544.711.218	1.213.662.181.998	
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	266.940.000	125.309.091	
Cộng	887.957.197.956	1.447.196.100.677	

26 Các khoản giảm trừ doanh thu		Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Giảm giá hàng bán	15.251.178.632	28.234.234.953	
Cộng	15.251.178.632	28.234.234.953	

27 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	63.145.546.738	233.408.609.588	
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	809.293.532.586	1.185.427.947.045	
- Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh khác	266.940.000	125.309.091	
Cộng	872.706.019.324	1.418.961.865.724	

28 Giá vốn hàng bán		Năm nay đồng	Năm trước đồng
- Giá vốn hàng hóa đã bán	62.979.522.120	216.124.189.110	

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	928.223.335.525	1.290.606.503.867
- Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	560.608.480	813.232.005
Cộng	991.763.466.125	1.507.543.924.982

29 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	720.341.058	2.464.709.114
- Thu hồi, thanh lý đầu tư tài chính dài hạn	5.406.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	453.165.000	-
- Lãi tỷ giá ngoại tệ	4.382.999.752	4.328.236.369
+ <i>Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	4.382.999.752	4.325.998.158
+ <i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	-	2.238.211
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	389.818.182	-
Cộng	11.352.323.992	6.792.945.483

30 Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Chi phí lãi vay	58.299.146.628	132.301.251.456
- Thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.322.181.818	-
- Lỗ tỷ giá ngoại tệ	76.328.796.932	25.479.147.143
+ <i>Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	27.280.088.145	7.608.483.043
+ <i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	49.048.708.787	17.870.664.100
- Chi phí tài chính khác	(205.897.025)	173.494
Cộng	139.744.228.353	157.780.572.093

31 Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Chi phí nhân viên	747.291.757	1.787.393.741
- Chi phí vật liệu, bao bì	5.997.453	18.392.425
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	111.561.972	30.717.721
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.714.501.781	9.064.555.455
- Chi phí bằng tiền khác	248.866.446	530.091.567
- Chi phí hoa hồng môi giới	8.124.461.509	13.009.251.361
Cộng	10.952.680.918	24.440.402.270

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Chi phí nhân viên quản lý	27.388.154.622	33.499.751.600
- Chi phí vật liệu quản lý	317.707.139	352.169.628
- Chi phí đồ dùng văn phòng	99.738.416	185.707.263
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.657.122.128	2.926.978.779
- Thuế, phí và lệ phí	832.239.943	1.114.814.983
- Chi phí dự phòng	1.120.370.571	718.667.424
- Hoàn nhập chi phí dự phòng	(1.018.809.882)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.781.829.438	3.569.656.210
- Chi phí bằng tiền khác	13.635.015.569	7.307.935.930
Cộng	48.813.367.944	49.675.681.817

33 Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	129.739.336.955	5.636.364
- Thu nhập khác	73.198.481.240	1.240.612.133
+ <i>Thu nhập từ các khoản đối tác vi phạm hợp đồng</i>	100.000.000	-
+ <i>Thu nhập khác</i>	73.098.481.240	1.240.612.133
Cộng	202.937.818.195	1.246.248.497

34 Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Giá trị còn lại tài sản cố định	95.616.110.299	-
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	36.920.000	-
- Chi phí khác	(6.270.640.578)	1.819.168.753
+ <i>Các khoản chậm thanh toán</i>	1.893.924.535	-
+ <i>Chi phí còn sót của TSCĐ đã nhượng bán</i>	8.358.675.903	1.315.859.791
+ <i>Chi phí khác</i>	(16.523.241.016)	503.308.962
Cộng	89.382.389.721	1.819.168.753

35 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	277.231.299.423	533.207.770.633
- Chi phí nhân công	215.746.723.423	233.297.856.572

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Chi phí khấu hao tài sản cố định	204.881.568.150	229.683.231.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.455.026.878	185.447.970.882
- Chi phí khác bằng tiền	255.728.354.462	400.149.300.840
Cộng	1.051.042.972.336	1.581.786.130.106

36 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(193.854.799.232)	(314.258.690.211)
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	195.077.125.648	316.839.175.078
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	453.165.000	-
- Thu nhập tính thuế	769.161.416	2.580.484.867
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
- Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	169.215.512	567.706.671
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	169.215.512	567.706.671
Cộng thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	169.215.512	567.706.671

37 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	(79.056.633.190)
Cộng	-	(79.056.633.190)

38 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)

	Năm nay	Năm trước
	đồng	đồng
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(194.024.014.744)	(235.769.763.692)
- Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ đông phổ thông	(193.846.727.091)	(236.319.252.041)
- Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	58.999.337	58.999.337
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.286)	(4.005)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

39 Công cụ tài chính

1 Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện việc quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng (+) với thặng dư vốn cổ phần, trừ (-) đi cổ phiếu quỹ (nếu có).

2 Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền	12.130.674.277	12.130.674.277
- Tương đương tiền	23.266.000.000	23.266.000.000
- Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	114.407.285.400	108.636.339.915

3 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân giá mua vào các ngân hàng giao dịch tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

	Số dư tại ngày 31/12/2015
- Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	1.890.961.296.367
- Phải trả người bán	96.273.055.171
- Phải trả khác	28.038.070.325

4 Quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên liệu, hàng hoá, công cụ, dụng cụ từ các nhà cung cấp trong nước và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán nguyên liệu, hàng hoá, công cụ, dụng cụ. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các nước và khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
- Phải trả người bán	95.773.055.171	500.000.000	-
- Khoản vay	157.008.170.587	1.377.812.406.111	-
- Khoản nợ	-	-	-
- Phải trả khác	19.633.481.147	8.404.589.178	-
Cộng	272.414.706.905	1.386.716.995.289	-

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5 Tài sản đảm bảo

- Đối với khoản vay ngắn hạn: Xem thuyết minh số 11.
- Đối với khoản vay dài hạn: Xem Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 8.

Thông tin về các bên liên quan

1 Thu thập của các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

Thu thập như sau :

Tiền lương và thù lao được hưởng	3.405.420.063	3.924.756.077
----------------------------------	---------------	---------------

2 Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Vũng Tàu,	Chi nhánh công ty
- CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Đà Nẵng	Chi nhánh công ty
- CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Quy Nhơn	Chi nhánh công ty
- Trung tâm Đào tạo, môi giới và Xuất khẩu thuyền viên Phía Nam (SCC)	Chi nhánh công ty
- Công ty TNHH MTV Sửa chữa tàu biển Phương Nam (SSR)	Công ty con
- Công ty CP Cung ứng DV hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)	Công ty liên kết

40 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPA Hà Nội và được điều chỉnh theo kết luận Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 08/09/2015 cho năm tài chính 2014 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê Tàu biển Việt Nam; đồng thời được phân loại lại phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

41 Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

42 Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày là khác nhau.

43 Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
1 Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	87,72%	87,72%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	12,28%	12,28%

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)

- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	110,74%	100,04%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	-10,74%	-0,04%

2 Khả năng thanh toán

2.1. Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	0,903	1,000
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	0,638	0,677
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,097	0,109


3 Tỷ suất sinh lời


3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	-22,21%	-22,15%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-22,23%	-16,62%

3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	-8,49%	-11,81%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	-8,50%	-8,86%


 Lê Kim Phụng
 Lập biểu


 Mai Thị Thu Vân
 Kế toán trưởng


 Phạm Thị Cẩm Hà
 Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2016

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a				
a				
c	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
a				
a				
c2	4.906.000.000	5.128.204.119	-	-
+	4.906.000.000	5.128.204.119	-	-
	4.906.000.000	5.128.204.119	-	-
c3	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
+	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
	6.906.000.000	7.128.204.119	-	-

Về tỷ lệ và giá trị sở hữu:

- Đầu tư vào công ty liên kết: Đã thoái vốn tại Pdimex JSC xuống còn 26,46%, tương ứng với giá trị sở hữu giảm từ 10.200.000.000 đồng giảm xuống 4.906.000.000 đồng và được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Đầu tư dài hạn khác: Tỷ lệ sở hữu vốn tại Công ty TNHH Lancaster Tân Thuận là 10%.
- (*) Giá trị hợp lý cuối kỳ của khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty CP CUDV Hàng hải và XNK Phương Đông được tính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Trong đó Công ty ghi nhận thêm khoản 222.313.935 đồng vào giá trị khoản đầu tư này là khoản chênh lệch lợi nhuận của Công ty CP CUDV Hàng hải và XNK Phương Đông 5 tháng đầu năm 2015 do tỷ lệ sở hữu thanh đổi từ 56,67% xuống còn 26,46%.

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU BIỂN VIỆT NAM
 Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 08 39 404 271/125 Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2015
Phụ lục số 2

NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+	5.770.945.521	-	9.028.170.941	-
-	3.474.203.550	-	3.474.203.550	-
-	810.464.673	-	810.464.673	-
-	713.944.000	-	713.944.000	-
-	423.992.207	-	359.079.812	-
-	348.341.091	-	1.367.150.973	-
	-	-	2.303.327.933	-
+	5.770.945.485	1.486.277.298	9.028.170.905	9.028.170.905
-	3.474.203.550	-	3.474.203.550	3.474.203.550
-	810.464.637	-	810.464.637	810.464.637
-	713.944.000	713.944.000	713.944.000	713.944.000
-	423.992.207	423.992.207	359.079.812	359.079.812
-	348.341.091	348.341.091	1.367.150.973	1.367.150.973
	-	-	2.303.327.933	2.303.327.933

+ Khoản nợ của Công ty TNHH Phúc Hải và Công ty TNHH VTB Minh Nam đã quá hạn thu hồi. Đơn vị đã trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%

+ Khoản nợ của Alize Commodities - Paris đã quá hạn, chưa có thông tin nào thêm từ Tòa án thụ lý phá sản do đó đơn vị cũng đã trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

TẦNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
<u>Số dư đầu kỳ</u>	23.679.098.263	5.427.792.035	3.736.616.153.146	6.034.908.377	-	3.771.757.951.821
- Mua trong năm	-	-	269.736.363	60.000.000	-	329.736.363
Cộng	-	-	269.736.363	60.000.000	-	329.736.363
- TL, nhượng bán	-	317.630.000	379.522.167.363	-	-	379.839.797.363
- Giảm khác	429.507.200	722.514.608	560.302.421.052	153.803.048	-	561.608.245.908
Cộng	429.507.200	1.040.144.608	939.824.588.415	153.803.048	-	941.448.043.271
<u>Số dư cuối năm</u>	23.249.591.063	4.387.647.427	2.797.061.301.094	5.941.105.329	-	2.830.639.644.913

Giá trị hao mòn lũy kế

<u>Số dư đầu kỳ</u>	12.517.706.010	3.674.210.918	1.617.707.456.362	4.576.988.064	-	1.638.476.361.354
- Khấu hao trong năm	1.267.787.217	600.878.000	201.340.577.549	742.521.591	-	203.951.764.357
Cộng	1.267.787.217	600.878.000	201.340.577.549	742.521.591	-	203.951.764.357
- TL, nhượng bán	-	185.284.166	284.049.473.055	-	-	284.234.757.221
- Giảm khác	248.113.757	632.885.275	195.128.922.712	113.734.866	-	196.123.656.610
Cộng	248.113.757	818.169.441	479.178.395.767	113.734.866	-	480.358.413.831
<u>Số dư cuối năm</u>	13.537.379.470	3.456.919.477	1.339.869.638.144	5.205.774.789	-	1.362.069.711.880

Giá trị còn lại của TSCĐ HH

- Tại ngày đầu kỳ	11.161.392.253	1.753.581.117	2.118.908.696.784	1.457.920.313	-	2.133.281.590.467
- Tại ngày cuối năm	9.712.211.593	930.727.950	1.457.191.662.950	735.330.540	-	1.468.569.933.033

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ HH đã dùng thẻ chấp, cầm cố các khoản vay: (*)

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

40

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 39 404 271/125 Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 4

TẦNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Giấy phép và giấy phép nhượng	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình								
<u>Số dư đầu kỳ</u>	-	-	-	-	7.734.145.325	-	-	7.734.145.325
- Giảm khác	-	-	-	-	75.854.000	-	-	75.854.000
Cộng	-	-	-	-	75.854.000	-	-	75.854.000
<u>Số dư cuối năm</u>	-	-	-	-	7.658.291.325	-	-	7.658.291.325

Giá trị hao mòn lũy kế

<u>Số dư đầu kỳ</u>	-	-	-	-	4.823.433.323	-	-	4.823.433.323
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	929.803.793	-	-	929.803.793
Cộng	-	-	-	-	929.803.793	-	-	929.803.793
- Giảm khác	-	-	-	-	75.854.000	-	-	75.854.000
Cộng	-	-	-	-	75.854.000	-	-	75.854.000
<u>Số dư cuối năm</u>	-	-	-	-	5.677.383.116	-	-	5.677.383.116

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình

- Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	2.910.712.002	-	-	2.910.712.002
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	1.980.908.209	-	-	1.980.908.209

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	157.008.170.587	157.008.170.587	75.883.750.628	121.047.414.621	202.171.834.580	202.171.834.580
NH NoN & PT NT-CN Mạc Thị Bưởi	-	-	18.141.473.192	49.906.839.171	31.765.365.979	31.765.365.979
NH TMCP Hàng Hải Việt Nam	134.608.520.047	134.608.520.047	36.560.915.602	32.542.774.480	130.590.378.925	130.590.378.925
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	22.399.650.540	22.399.650.540	21.181.361.834	28.967.800.970	30.186.089.676	30.186.089.676
Vay ngắn hạn của SSR	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Vay ngắn hạn của Pdimex	-	-	-	9.130.000.000	9.130.000.000	9.130.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	189.000.000	189.000.000	189.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả Pdimex	-	-	-	189.000.000	189.000.000	189.000.000
Vay dài hạn	1.377.812.406.111	1.377.812.406.111	62.219.721.458	525.370.364.256	1.840.963.048.909	1.840.963.048.909
NH TMCP Hàng Hải Việt Nam	27.399.375.000	27.399.375.000	18.600.000.000	441.438.526.120	450.237.901.120	450.237.901.120
- Trên 5 năm	27.399.375.000	27.399.375.000	18.600.000.000	441.438.526.120	450.237.901.120	450.237.901.120
NH TMCP Á Châu	438.288.612.913	438.288.612.913	13.921.809.603	1.411.646.136	425.778.449.446	425.778.449.446
- Trên 5 năm	438.288.612.913	438.288.612.913	13.921.809.603	1.411.646.136	425.778.449.446	425.778.449.446
NH Phát triển Việt Nam - SGD II	41.476.000.000	41.476.000.000	-	60.000.000	41.536.000.000	41.536.000.000
- Trên 5 năm	41.476.000.000	41.476.000.000	-	60.000.000	41.536.000.000	41.536.000.000
NH Phát triển Việt Nam - CN HP	292.366.600.000	292.366.600.000	-	420.000.000	292.786.600.000	292.786.600.000
- Trên 5 năm	292.366.600.000	292.366.600.000	-	420.000.000	292.786.600.000	292.786.600.000
NH TMCP Bảo Việt	276.394.020.000	276.394.020.000	14.203.530.000	874.210.000	263.064.700.000	263.064.700.000
- Trên 5 năm	276.394.020.000	276.394.020.000	14.203.530.000	874.210.000	263.064.700.000	263.064.700.000
NH VCB - CN TP.HCM	105.753.916.198	105.753.916.198	5.427.129.855	-	100.326.786.343	100.326.786.343
- Trên 5 năm	105.753.916.198	105.753.916.198	5.427.129.855	-	100.326.786.343	100.326.786.343

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

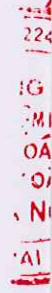
42



	Số cuối năm		Số trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
NH VCE CN Bình Tây	61.428.402.000	61.428.402.000	3.152.412.000	-	58.275.990.000	58.275.990.000
- Trên 5 năm	61.428.402.000	61.428.402.000	3.152.412.000	-	58.275.990.000	58.275.990.000
NH Natixis	134.705.480.000	134.705.480.000	6.914.840.000	80.365.982.000	208.156.622.000	208.156.622.000
- Trên 5 năm	134.705.480.000	134.705.480.000	6.914.840.000	80.365.982.000	208.156.622.000	208.156.622.000
NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN	-	-	-	800.000.000	800.000.000	800.000.000
- Trên 5 năm	-	-	-	800.000.000	800.000.000	800.000.000
Nợ dài hạn	356.140.719.669	356.140.719.669	45.730.911.701	18.157.046.550	328.566.854.518	328.566.854.518
Tổng Công ty Hàng Hải VN	-	-	-	18.157.046.550	18.157.046.550	18.157.046.550
Lãi vay phải trả dài hạn	356.140.719.669	356.140.719.669	45.730.911.701	-	310.409.807.968	310.409.807.968

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

43



Phụ lục số 6

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
+ Phải trả người bán trong nước	45.694.044.464	45.694.044.464	124.902.252.799	124.902.252.799
+ Phải trả người bán nước ngoài	50.057.920.707	50.057.920.707	62.135.734.998	62.135.734.998
+ Phải trả người bán SSR	21.090.000	21.090.000	286.575.850	286.575.850
+ Phải trả người bán PDIMEX	-	-	4.534.887.865	4.534.887.865
Cộng	95.773.055.171	95.773.055.171	191.859.451.512	191.859.451.512
b Các khoản phải trả người bán dài hạn				
+ Tiền thuê đất tại Quy Nhơn	500.000.000	500.000.000	1.495.082.905	1.495.082.905
Cộng	500.000.000	500.000.000	1.495.082.905	1.495.082.905
d Phải trả người bán là các bên liên quan				
+ Công ty TNHH MTV SC tàu biển Phương Nam			Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP CỨV Hàng hải và XNK Phương Đông			171.228.635	1.126.295.093
Cộng			171.228.635	6.626.696.359

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phụ lục số 7

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: Đồng

	Vốn đầu tư CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ ĐTPT	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa PP	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	589.993.370.000	88.258.000	306.000.000	10.109.485.045	4.974.534.903	(457.370.806.504)	148.100.841.444
- Tăng vốn góp vốn năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	897.419.988	78.266.921.431	79.164.341.419
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Chia và dự chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	236.319.252.041	236.319.252.041
- Giảm khác	-	-	-	-	973.036.962	-	973.036.962
Số dư cuối năm trước	589.993.370.000	88.258.000	306.000.000	10.109.485.045	4.898.917.929	(615.423.137.114)	(10.027.106.140)
- Tăng vốn góp năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	1.387.088.528	-	1.387.088.528
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Chia và dự chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	306.000.000	418.283.206	1.351.022.692	-	193.846.727.091
Số dư cuối năm	589.993.370.000	88.258.000	-	9.691.201.839	4.934.983.765	(809.269.864.205)	(204.562.050.601)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 39 404 271/125 Fax: 08 39 404 711

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2015

a Phụ lục số 8

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Năm tài chính 2015

1 Theo lĩnh vực kinh doanh

a	Hoạt động kinh doanh vận tải biển đồng	Hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác đồng	Tổng cộng toàn doanh nghiệp đồng	
a				
a	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	669.744.813.546	202.961.205.778	872.706.019.324
a	Chi phí bộ phận trực tiếp	805.314.768.235	170.375.985.257	975.690.753.492
a	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(135.569.954.689)	32.585.220.521	(102.984.734.168)
	Tài sản bộ phận trực tiếp	1.888.553.477.868	16.544.038.294	1.905.097.516.162
	Tổng tài sản	1.888.553.477.868	16.544.038.294	1.905.097.516.162
	Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.096.289.750.079	13.369.816.684	2.109.659.566.763
a	Tổng nợ phải trả	2.096.289.750.079	13.369.816.684	2.109.659.566.763

2 Theo khu vực địa lý

a	Quốc tế đồng	Trong nước đồng	Tổng cộng toàn doanh nghiệp đồng	
	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	637.319.003.693	235.387.015.631	872.706.019.324
	Tài sản bộ phận	-	-	1.905.097.516.162
	Nợ phải trả bộ phận	45.694.044.464	2.063.965.522.299	2.109.659.566.763

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Cẩm Hà

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)